

# 100 BÀI TẬP MODAL VERBS IN FIRST CONDITIONAL SENTENCES LỚP 9

600 câu - Global Success Unit 3 - Có đáp án

Tài liệu gồm 100 bài, mỗi bài 6 câu (600 câu), được biên soạn để củng cố chủ điểm Modal verbs in first conditional sentences trong Tiếng Anh 9 Global Success - Unit 3: Healthy Living for Teens. Nội dung đi từ nhận biết đến vận dụng và có thêm bài tổng hợp phù hợp ôn kiểm tra, ôn tuyển sinh vào lớp 10.

**Lưu ý:** Các câu hỏi và đáp án trong tài liệu do VUS tự biên soạn để hỗ trợ ôn tập; không sao chép nguyên văn bài tập hoặc đáp án SGK/SBT.

## Ôn nhanh trước khi làm bài

| Điểm cần nhớ | Cấu trúc / ý nghĩa           | Ví dụ                                            |
|--------------|------------------------------|--------------------------------------------------|
| If-clause    | If + Present Simple          | If you feel tired, ...                           |
| Main clause  | modal verb + bare infinitive | ... you should take a break.                     |
| can          | khả năng / sự cho phép       | If you finish early, you can leave.              |
| may / might  | khả năng có thể xảy ra       | If it rains, the event might move indoors.       |
| should       | lời khuyên                   | If you feel stressed, you should rest.           |
| must         | sự cần thiết / nghĩa vụ      | If you enter the lab, you must follow the rules. |

## MỤC LỤC

|                                                                          |          |
|--------------------------------------------------------------------------|----------|
| <b>100 BÀI TẬP MODAL VERBS IN FIRST CONDITIONAL SENTENCES LỚP 9.....</b> | <b>1</b> |
| PHẦN A - NỀN TẢNG: CẤU TRÚC VÀ Ý NGHĨA.....                              | 2        |
| PHẦN B - DẠNG ĐỘNG TỪ VÀ VẬN DỤNG CÓ KIỂM SOÁT.....                      | 9        |
| PHẦN C - VIẾT LẠI, SỬA LỖI VÀ DẤU CÂU.....                               | 19       |
| PHẦN D - NGŨ CẢNH, TÌNH HUỐNG VÀ ĐOẠN VĂN.....                           | 25       |
| PHẦN E - VẬN DỤNG NÂNG CAO VÀ ÔN TUYỂN SINH 10.....                      | 37       |
| ĐÁP ÁN.....                                                              | 49       |

## **PHẦN A - NỀN TẢNG: CẤU TRÚC VÀ Ý NGHĨA**

**Bài 1.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If you feel stressed before a test, you \_\_\_\_\_ take a short break.  
A. can B. must C. should D. might
2. If you finish your homework before dinner, you \_\_\_\_\_ watch a short film.  
A. can B. might C. must D. should
3. If you keep staying up after midnight, you \_\_\_\_\_ feel tired in class.  
A. might B. can C. must D. should
4. If students want to meet the project deadline, they \_\_\_\_\_ plan their time carefully.  
A. can B. should C. must D. might
5. If Mai has a headache after using her phone for hours, she \_\_\_\_\_ rest her eyes.  
A. might B. can C. should D. must
6. If Nam completes all his chores, he \_\_\_\_\_ go out with his friends.  
A. might B. can C. must D. should

**Bài 2.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If we leave home ten minutes later, we \_\_\_\_\_ miss the school bus.  
A. may B. should C. can D. must
2. If the team wants to improve its presentation, it \_\_\_\_\_ practise together.  
A. might B. should C. must D. can
3. If you do not understand the instructions, you \_\_\_\_\_ ask the teacher for clarification.  
A. might B. can C. must D. should
4. If Linh finishes the science report tonight, she \_\_\_\_\_ submit it tomorrow morning.  
A. can B. might C. must D. should
5. If the weather gets worse this afternoon, the match \_\_\_\_\_ be cancelled.  
A. can B. should C. must D. might
6. If you want to stay healthy during exam week, you \_\_\_\_\_ get enough sleep.  
A. should B. must C. might D. can

**Bài 3.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If Phong wants to use the computer room after class, he \_\_\_\_\_ follow the school rules.  
A. should B. might C. can D. must
2. If we arrive at the library before five, we \_\_\_\_\_ borrow the reference books.  
A. might B. can C. should D. must
3. If your friend skips breakfast again, he \_\_\_\_\_ find it harder to concentrate.  
A. can B. must C. should D. may
4. If Hoa feels overwhelmed by her assignments, she \_\_\_\_\_ make a list of priorities.  
A. should B. can C. must D. might

5. If the students enter the laboratory, they \_\_\_\_\_ wear the required safety equipment.

A. must B. should C. can D. might

6. If you finish revising Unit 3 early, you \_\_\_\_\_ practise an extra reading task.

A. should B. must C. can D. might

**Bài 4.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If Minh delays the group task until Friday, he \_\_\_\_\_ not finish it on time.

A. can B. should C. must D. might

2. If you want to reduce distractions, you \_\_\_\_\_ put your phone away while studying.

A. can B. must C. should D. might

3. If the class wants to organise a charity fair, everyone \_\_\_\_\_ agree on a clear plan.

A. can B. should C. might D. must

4. If An saves enough pocket money, she \_\_\_\_\_ buy the dictionary she needs.

A. can B. must C. should D. might

5. If the rain continues all evening, our outdoor activity \_\_\_\_\_ be postponed.

A. must B. may C. can D. should

6. If you have several tests next week, you \_\_\_\_\_ make a realistic study schedule.

A. should B. might C. must D. can

**Bài 5.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If students borrow equipment from the media room, they \_\_\_\_\_ return it on time.

A. might B. should C. must D. can

2. If Tuan finishes his revision before eight, he \_\_\_\_\_ join the online study group.

A. can B. might C. must D. should

3. If the bus is delayed again, we \_\_\_\_\_ arrive after the first bell.

A. must B. should C. can D. might

4. If your eyes feel tired, you \_\_\_\_\_ take a break from the screen.

A. should B. must C. might D. can

5. If the school holds a fire drill, students \_\_\_\_\_ follow the teacher's instructions.

A. might B. can C. should D. must

6. If Vy finishes her chores, she \_\_\_\_\_ meet her cousin at the bookshop.

A. might B. can C. should D. must

**Bài 6.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If you do not back up your presentation, you \_\_\_\_\_ lose your work if the file is damaged.

A. must B. can C. should D. may

2. If Khoa wants to improve his speaking, he \_\_\_\_\_ practise a little every day.

A. might B. should C. must D. can

3. If participants enter the competition room, they \_\_\_\_\_ switch off their phones.  
A. should B. must C. can D. might
4. If we complete the survey today, we \_\_\_\_\_ analyse the results tomorrow.  
A. must B. should C. might D. can
5. If the group ignores the deadline, it \_\_\_\_\_ lose marks.  
A. might B. must C. should D. can
6. If you have difficulty sleeping, you \_\_\_\_\_ avoid using your phone right before bed.  
A. can B. might C. must D. should

**Bài 7.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If the cyclists ride on this busy road, they \_\_\_\_\_ wear helmets.  
A. can B. must C. should D. might
2. If Huy finishes lunch early, he \_\_\_\_\_ help decorate the classroom.  
A. can B. might C. should D. must
3. If the temperature drops tonight, the roads \_\_\_\_\_ become slippery.  
A. can B. must C. should D. may
4. If you want to remember new vocabulary, you \_\_\_\_\_ review it regularly.  
A. should B. might C. must D. can
5. If the club uses the school hall, members \_\_\_\_\_ leave it clean afterwards.  
A. must B. might C. can D. should
6. If Mai and her partner finish the poster, they \_\_\_\_\_ rehearse their talk.  
A. must B. might C. should D. can

**Bài 8.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If the internet connection becomes unstable, our video call \_\_\_\_\_ stop.  
A. might B. can C. should D. must
2. If you feel nervous before speaking, you \_\_\_\_\_ practise your opening lines.  
A. can B. should C. might D. must
3. If students take part in the chemistry activity, they \_\_\_\_\_ follow the safety rules.  
A. should B. can C. might D. must
4. If Binh finishes the maths exercises, he \_\_\_\_\_ take a short break.  
A. should B. can C. must D. might
5. If we do not leave soon, we \_\_\_\_\_ get caught in heavy traffic.  
A. can B. may C. should D. must
6. If your timetable feels too crowded, you \_\_\_\_\_ decide which tasks are most urgent.  
A. should B. can C. might D. must

**Bài 9.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If a student feels unwell during PE, he or she \_\_\_\_\_ tell the teacher.  
A. can B. must C. might D. should
2. If the volunteers collect enough books, they \_\_\_\_\_ open a small reading corner.  
A. can B. should C. might D. must
3. If Trang skips too many practice sessions, she \_\_\_\_\_ feel less confident on performance day.  
A. must B. can C. should D. might
4. If you want to improve your concentration, you \_\_\_\_\_ study in a quiet place.  
A. can B. should C. might D. must
5. If we use shared computers, we \_\_\_\_\_ protect our passwords.  
A. can B. might C. should D. must
6. If the class finishes the rehearsal early, we \_\_\_\_\_ check the slides once more.  
A. can B. should C. might D. must

**Bài 10.** Chọn modal verb phù hợp nhất với ý nghĩa của câu điều kiện loại 1.

1. If the printer runs out of ink, we \_\_\_\_\_ need to submit the report online.  
A. must B. may C. should D. can
2. If your friend is worried about a deadline, you \_\_\_\_\_ help him break the task into smaller steps.  
A. must B. can C. should D. might
3. If students cross the road near the school gate, they \_\_\_\_\_ use the pedestrian crossing.  
A. can B. should C. might D. must
4. If Nga completes the application correctly, she \_\_\_\_\_ send it before the deadline.  
A. must B. can C. might D. should
5. If the forecast is accurate, our picnic \_\_\_\_\_ be moved indoors.  
A. might B. must C. can D. should
6. If you want to build a better study routine, you \_\_\_\_\_ set a regular start time.  
A. can B. might C. should D. must

**Bài 11.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If you \_\_\_\_\_ stressed before a test, you should take a short break.  
A. felt B. feel C. feeling D. will feel
2. If Mai \_\_\_\_\_ her revision early, she can check the difficult questions again.  
A. finishes B. will finish C. finishing D. finished
3. If the bus \_\_\_\_\_ on time, we can reach school before the first bell.  
A. will arrive B. arriving C. arrived D. arrives
4. If students \_\_\_\_\_ extra help, they should ask the teacher.  
A. will need B. need C. needed D. needing

5. If your friend \_\_\_\_\_ overwhelmed, you should listen and offer support.

- A. will feel B. feeling C. felt D. feels

6. If the weather \_\_\_\_\_ worse, the outdoor event might move indoors.

- A. will get B. getting C. got D. gets

**Bài 12.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If Lan \_\_\_\_\_ to improve her writing, she should proofread carefully.

- A. wants B. wanted C. will want D. wanting

2. If the class \_\_\_\_\_ enough time, it can rehearse once more.

- A. will have B. had C. has D. having

3. If you \_\_\_\_\_ enough sleep, you may feel tired the next day.

- A. won't get B. didn't get C. don't get D. not get

4. If Minh \_\_\_\_\_ well, he might find it hard to concentrate.

- A. doesn't sleep B. didn't sleep C. won't sleep D. not sleep

5. If the team \_\_\_\_\_ regularly, it may feel less confident.

- A. won't practise B. not practise C. doesn't practise D. didn't practise

6. If we \_\_\_\_\_ early, we can avoid heavy traffic.

- A. will leave B. leaving C. left D. leave

**Bài 13.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If Hoa \_\_\_\_\_ a planner, she can organise her tasks better.

- A. used B. uses C. using D. will use

2. If they \_\_\_\_\_ the instructions, they might make avoidable mistakes.

- A. not follow B. didn't follow C. don't follow D. won't follow

3. If your teacher \_\_\_\_\_ you feedback, you should use it to revise your work.

- A. will give B. gives C. giving D. gave

4. If the library \_\_\_\_\_ early today, we may need another place to study.

- A. closes B. closed C. closing D. will close

5. If Phong \_\_\_\_\_ regularly, he can remember the key points better.

- A. studied B. studying C. studies D. will study

6. If the computer \_\_\_\_\_ properly, we can continue the presentation.

- A. will work B. working C. works D. worked

**Bài 14.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If Nga \_\_\_\_\_ the bus, she may arrive late.

- A. will miss B. misses C. missing D. missed

2. If the group \_\_\_\_\_ a clear topic, it can plan the presentation more easily.

- A. chose B. choosing C. chooses D. will choose

3. If you \_\_\_\_\_ stressed before a test during exam week, you should take a short break.  
A. feeling B. will feel C. felt D. feel
4. If Mai \_\_\_\_\_ her revision early during exam week, she can check the difficult questions again.  
A. finishing B. will finish C. finished D. finishes
5. If the bus \_\_\_\_\_ on time during exam week, we can reach school before the first bell.  
A. arrives B. arriving C. arrived D. will arrive
6. If students \_\_\_\_\_ extra help during exam week, they should ask the teacher.  
A. needed B. need C. will need D. needing

**Bài 15.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If your friend \_\_\_\_\_ overwhelmed during exam week, you should listen and offer support.  
A. felt B. feeling C. feels D. will feel
2. If the weather \_\_\_\_\_ worse during exam week, the outdoor event might move indoors.  
A. gets B. got C. getting D. will get
3. If Lan \_\_\_\_\_ to improve her writing during exam week, she should proofread carefully.  
A. wanted B. wants C. wanting D. will want
4. If the class \_\_\_\_\_ enough time during exam week, it can rehearse once more.  
A. having B. had C. will have D. has
5. If you \_\_\_\_\_ enough sleep during exam week, you may feel tired the next day.  
A. don't get B. won't get C. didn't get D. not get
6. If Minh \_\_\_\_\_ well during exam week, he might find it hard to concentrate.  
A. won't sleep B. doesn't sleep C. didn't sleep D. not sleep

**Bài 16.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If the team \_\_\_\_\_ regularly during exam week, it may feel less confident.  
A. doesn't practise B. didn't practise C. not practise D. won't practise
2. If we \_\_\_\_\_ early during exam week, we can avoid heavy traffic.  
A. left B. will leave C. leave D. leaving
3. If Hoa \_\_\_\_\_ a planner during exam week, she can organise her tasks better.  
A. uses B. using C. used D. will use
4. If they \_\_\_\_\_ the instructions during exam week, they might make avoidable mistakes.  
A. don't follow B. didn't follow C. not follow D. won't follow
5. If your teacher \_\_\_\_\_ you feedback during exam week, you should use it to revise your work.  
A. will give B. gives C. giving D. gave
6. If the library \_\_\_\_\_ early today during exam week, we may need another place to study.  
A. closed B. closing C. closes D. will close

**Bài 17.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If Phong \_\_\_\_\_ regularly during exam week, he can remember the key points better.  
A. studies B. will study C. studied D. studying
2. If the computer \_\_\_\_\_ properly during exam week, we can continue the presentation.  
A. worked B. works C. will work D. working
3. If Nga \_\_\_\_\_ the bus during exam week, she may arrive late.  
A. missed B. misses C. missing D. will miss
4. If the group \_\_\_\_\_ a clear topic during exam week, it can plan the presentation more easily.  
A. chooses B. choosing C. will choose D. chose
5. If you \_\_\_\_\_ stressed before a test during the final week of term, you should take a short break.  
A. felt B. feeling C. will feel D. feel
6. If Mai \_\_\_\_\_ her revision early during the final week of term, she can check the difficult questions again.  
A. finished B. will finish C. finishing D. finishes

**Bài 18.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If the bus \_\_\_\_\_ on time during the final week of term, we can reach school before the first bell.  
A. arrived B. will arrive C. arrives D. arriving
2. If students \_\_\_\_\_ extra help during the final week of term, they should ask the teacher.  
A. will need B. needing C. needed D. need
3. If your friend \_\_\_\_\_ overwhelmed during the final week of term, you should listen and offer support.  
A. feeling B. will feel C. feels D. felt
4. If the weather \_\_\_\_\_ worse during the final week of term, the outdoor event might move indoors.  
A. geting B. got C. will get D. gets
5. If Lan \_\_\_\_\_ to improve her writing during the final week of term, she should proofread carefully.  
A. wanted B. wants C. will want D. wanting
6. If the class \_\_\_\_\_ enough time during the final week of term, it can rehearse once more.  
A. having B. had C. has D. will have

**Bài 19.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If you \_\_\_\_\_ enough sleep during the final week of term, you may feel tired the next day.  
A. not get B. didn't get C. won't get D. don't get

2. If Minh \_\_\_\_\_ well during the final week of term, he might find it hard to concentrate.  
A. didn't sleep B. doesn't sleep C. not sleep D. won't sleep
3. If the team \_\_\_\_\_ regularly during the final week of term, it may feel less confident.  
A. won't practise B. not practise C. doesn't practise D. didn't practise
4. If we \_\_\_\_\_ early during the final week of term, we can avoid heavy traffic.  
A. will leave B. left C. leave D. leaving
5. If Hoa \_\_\_\_\_ a planner during the final week of term, she can organise her tasks better.  
A. using B. will use C. used D. uses
6. If they \_\_\_\_\_ the instructions during the final week of term, they might make avoidable mistakes.  
A. won't follow B. not follow C. don't follow D. didn't follow

**Bài 20.** Chọn dạng đúng của động từ trong mệnh đề if.

1. If your teacher \_\_\_\_\_ you feedback during the final week of term, you should use it to revise your work.  
A. gave B. will give C. giving D. gives
2. If the library \_\_\_\_\_ early today during the final week of term, we may need another place to study.  
A. closed B. closes C. will close D. closing
3. If Phong \_\_\_\_\_ regularly during the final week of term, he can remember the key points better.  
A. will study B. studies C. studied D. studying
4. If the computer \_\_\_\_\_ properly during the final week of term, we can continue the presentation.  
A. worked B. will work C. works D. working
5. If Nga \_\_\_\_\_ the bus during the final week of term, she may arrive late.  
A. misses B. missing C. will miss D. missed
6. If the group \_\_\_\_\_ a clear topic during the final week of term, it can plan the presentation more easily.  
A. choosing B. chose C. chooses D. will choose

## **PHẦN B - DẠNG ĐỘNG TỪ VÀ VẬN DỤNG CÓ KIỂM SOÁT**

**Bài 21.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If the group uses information from a website, it must \_\_\_\_\_ whether the source is reliable.  
A. check B. to check C. checks D. checking
2. If Quan finishes the practice test, he can \_\_\_\_\_ his answers with the key.  
A. comparing B. compare C. to compare D. compares

3. If you rush through every question, you may \_\_\_\_\_ avoidable mistakes.  
A. makes B. to make C. making D. make
4. If a classmate feels left out, you should \_\_\_\_\_ them to join the activity.  
A. to invite B. invites C. inviting D. invite
5. If students work with electrical equipment, they must \_\_\_\_\_ liquids away from it.  
A. keeps B. keeping C. to keep D. keep
6. If the school library stays open late, we can \_\_\_\_\_ there after club activities.  
A. studying B. studies C. to study D. study

**Bài 22.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If you forget to charge your tablet, it might \_\_\_\_\_ out of power during class.  
A. runing B. run C. runs D. to run
2. If you want to speak more fluently, you should \_\_\_\_\_ complete sentences instead of single words.  
A. practise B. practising C. practises D. to practise
3. If team members share private information, they must \_\_\_\_\_ for permission first.  
A. ask B. to ask C. asking D. asks
4. If Thu finishes the book this week, she can \_\_\_\_\_ the discussion on Friday.  
A. joins B. joining C. join D. to join
5. If we take the longer route, we may \_\_\_\_\_ later than expected.  
A. to arrive B. arriving C. arrive D. arrives
6. If you cannot remember a new phrase, you should \_\_\_\_\_ it in your own sentence.  
A. using B. to use C. uses D. use

**Bài 23.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If the class visits a local workshop, students must \_\_\_\_\_ to the safety briefing.  
A. listen B. listens C. to listen D. listening
2. If Long completes the online quiz, he can \_\_\_\_\_ the explanations afterwards.  
A. to review B. review C. reviews D. reviewing
3. If the wind becomes stronger, the school event might \_\_\_\_\_ inside.  
A. to move B. move C. moves D. moving
4. If you have too many tasks for one evening, you should \_\_\_\_\_ the most important ones first.  
A. to choose B. choosing C. choose D. chooses
5. If students use AI tools for a project, they must \_\_\_\_\_ the teacher's rules about acceptable use.  
A. following B. follows C. to follow D. follow
6. If our group finishes collecting data, we can \_\_\_\_\_ making the chart.  
A. to start B. start C. starting D. starts

**Bài 24.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If you ignore the teacher's feedback, you may \_\_\_\_\_ the same mistake.  
A. repeating B. to repeat C. repeats D. repeat
2. If your friend feels anxious about a presentation, you should \_\_\_\_\_ with them before class.  
A. practises B. practising C. to practise D. practise
3. If students join the school trip, they must \_\_\_\_\_ at the meeting point on time.  
A. arrive B. to arrive C. arrives D. arriving
4. If Phuc completes his chores before six, he can \_\_\_\_\_ football practice.  
A. to attend B. attends C. attending D. attend
5. If the school server is busy, the upload might \_\_\_\_\_ longer.  
A. takes B. taking C. take D. to take
6. If you want to improve your writing, you should \_\_\_\_\_ how your ideas are connected.  
A. checks B. to check C. check D. checking

**Bài 25.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If the debate team quotes statistics, it must \_\_\_\_\_ the source.  
A. mentions B. mentioning C. mention D. to mention
2. If Ha finishes the vocabulary review, she can \_\_\_\_\_ on to the grammar section.  
A. move B. to move C. moves D. moving
3. If we leave the windows open during the storm, rain may \_\_\_\_\_ into the classroom.  
A. gets B. geting C. get D. to get
4. If you feel sleepy while revising, you should \_\_\_\_\_ a short active break.  
A. take B. to take C. takes D. taking
5. If students submit an online assignment, they must \_\_\_\_\_ that the correct file is attached.  
A. checks B. checking C. to check D. check
6. If the drama club finishes setting up the stage, members can \_\_\_\_\_ the rehearsal.  
A. begin B. begins C. begining D. to begin

**Bài 26.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If you postpone every difficult task, you might \_\_\_\_\_ even more stressed later.  
A. feeling B. feels C. feel D. to feel
2. If you want to remember information for longer, you should \_\_\_\_\_ it over several days.  
A. review B. reviews C. to review D. reviewing
3. If students enter a restricted area, they must \_\_\_\_\_ permission.  
A. having B. has C. have D. to have
4. If the science group completes the experiment, it can \_\_\_\_\_ the final results.  
A. records B. recording C. record D. to record

5. If we choose a very late train, we may not \_\_\_\_\_ home before midnight.  
A. geting B. to get C. get D. gets
6. If your partner speaks too quickly during rehearsal, you should \_\_\_\_\_ them to slow down.  
A. asks B. asking C. to ask D. ask

**Bài 27.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If students use someone else's photo in a presentation, they must \_\_\_\_\_ the source.  
A. crediting B. credit C. to credit D. credits
2. If the class finishes the quiz early, students can \_\_\_\_\_ their answers.  
A. check B. to check C. checks D. checking
3. If you do not read the whole question, you might \_\_\_\_\_ an answer too quickly.  
A. chooses B. choose C. choosing D. to choose
4. If you want to avoid last-minute stress, you should \_\_\_\_\_ long assignments early.  
A. starts B. starting C. start D. to start
5. If participants take part in a school sports event, they must \_\_\_\_\_ the safety instructions.  
A. follows B. follow C. following D. to follow
6. If the study group agrees on a time, everyone can \_\_\_\_\_ the call together.  
A. joins B. to join C. join D. joining

**Bài 28.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If the roads are flooded tomorrow morning, the bus may \_\_\_\_\_ a different route.  
A. to take B. take C. taking D. takes
2. If you have trouble understanding a reading passage, you should \_\_\_\_\_ for the main idea first.  
A. look B. to look C. looks D. looking
3. If students use laboratory chemicals, they must \_\_\_\_\_ the teacher's directions.  
A. to follow B. following C. follow D. follows
4. If Nhi finishes the revision worksheet, she can \_\_\_\_\_ the challenge questions.  
A. try B. trying C. to try D. tries
5. If you spend the whole evening scrolling online, you might \_\_\_\_\_ less time to revise.  
A. have B. having C. has D. to have
6. If you want to improve your pronunciation, you should \_\_\_\_\_ and repeat in short chunks.  
A. listen B. listens C. to listen D. listening

**Bài 29.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If the class borrows sports equipment, students must \_\_\_\_\_ everything after the lesson.  
A. return B. returns C. to return D. returning

2. If we finish the project draft, we can \_\_\_\_\_ another group for feedback.  
A. asks B. ask C. asking D. to ask
3. If the weather remains extremely hot, the outdoor session may \_\_\_\_\_ shortened.  
A. to be B. being C. is D. be
4. If your notes are difficult to review, you should \_\_\_\_\_ them by topic.  
A. organise B. organising C. to organise D. organises
5. If students sit an important school test, they must \_\_\_\_\_ the examination rules.  
A. following B. follows C. to follow D. follow
6. If Duy completes the reading task, he can \_\_\_\_\_ the writing exercise.  
A. start B. starting C. starts D. to start

**Bài 30.** Chọn dạng đúng của động từ sau modal verb.

1. If you do not save your document regularly, you might \_\_\_\_\_ recent changes.  
A. losing B. to lose C. loses D. lose
2. If you want to manage your time better, you should \_\_\_\_\_ how long each task will take.  
A. estimate B. estimating C. to estimate D. estimates
3. If the club sells food at the school fair, members must \_\_\_\_\_ the area clean.  
A. keeps B. keep C. keeping D. to keep
4. If our team solves the final clue, we can \_\_\_\_\_ the challenge.  
A. finishes B. finish C. finishing D. to finish
5. If the train is full, we may \_\_\_\_\_ to wait for the next one.  
A. has B. have C. having D. to have
6. If your friend feels discouraged after a low score, you should \_\_\_\_\_ them to focus on what they can improve.  
A. reminding B. remind C. to remind D. reminds

**Bài 31.** Xác định chức năng giao tiếp chính của modal verb trong câu.

1. If students handle personal data in a survey, they must protect participants' privacy.  
Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?  
A. khả năng/sự cho phép B. lời khuyên C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng có thể xảy ra
2. If the computer restarts successfully, we can continue the presentation.  
Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?  
A. khả năng có thể xảy ra B. lời khuyên C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng/sự cho phép
3. If you study in a very noisy room, you might find it difficult to concentrate.  
Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?  
A. khả năng có thể xảy ra B. sự cần thiết/nghĩa vụ C. khả năng/sự cho phép D. lời khuyên

4. If you want to make your paragraph clearer, you should use linking words carefully.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. sự cần thiết/ngĩa vụ C. lời khuyên D. khả năng có thể xảy ra

5. If students go on a field trip, they must stay with their assigned group.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. sự cần thiết/ngĩa vụ B. khả năng có thể xảy ra C. lời khuyên D. khả năng/sự cho phép

6. If the teacher approves our topic, we can begin collecting information.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. lời khuyên B. sự cần thiết/ngĩa vụ C. khả năng có thể xảy ra D. khả năng/sự cho phép

**Bài 32.** Xác định chức năng giao tiếp chính của modal verb trong câu.

1. If we miss the last bus, we may need to call a family member.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. lời khuyên B. sự cần thiết/ngĩa vụ C. khả năng/sự cho phép D. khả năng có thể xảy ra

2. If you feel under pressure because of several deadlines, you should talk to a trusted adult.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng có thể xảy ra B. lời khuyên C. khả năng/sự cho phép D. sự cần thiết/ngĩa vụ

3. If students use the art room after school, they must tidy the tables before leaving.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. lời khuyên C. khả năng có thể xảy ra D. sự cần thiết/ngĩa vụ

4. If the club receives enough registrations, it can form two teams.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. khả năng có thể xảy ra C. lời khuyên D. sự cần thiết/ngĩa vụ

5. If you forget the meeting time, you might arrive late.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng có thể xảy ra B. khả năng/sự cho phép C. sự cần thiết/ngĩa vụ D. lời khuyên

6. If you want to avoid careless grammar errors, you should leave time to proofread.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. sự cần thiết/ngĩa vụ B. khả năng/sự cho phép C. khả năng có thể xảy ra D. lời khuyên

**Bài 33.** Xác định chức năng giao tiếp chính của modal verb trong câu.

1. If students cycle to school in the dark, they must use lights or reflectors.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. lời khuyên C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng có thể xảy ra

2. If the group completes all six tasks, it can submit the project.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng có thể xảy ra B. lời khuyên C. khả năng/sự cho phép D. sự cần thiết/nghĩa vụ

3. If the rain starts before lunchtime, the class may eat indoors.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. lời khuyên C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng có thể xảy ra

4. If you want to prepare for the entrance exam effectively, you should review your recurring mistakes.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng có thể xảy ra B. lời khuyên C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng/sự cho phép

5. If students work in pairs during the speaking test, they must listen to each other carefully.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. sự cần thiết/nghĩa vụ B. lời khuyên C. khả năng/sự cho phép D. khả năng có thể xảy ra

6. If Lan finishes the mock test with time left, she can check the difficult questions again.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng có thể xảy ra B. lời khuyên C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng/sự cho phép

**Bài 34.** Xác định chức năng giao tiếp chính của modal verb trong câu.

1. If you guess every unfamiliar word from one clue, you might misunderstand the sentence.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. lời khuyên C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng có thể xảy ra

2. If you feel stressed before a test, you should take a short break.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. lời khuyên B. khả năng có thể xảy ra C. khả năng/sự cho phép D. sự cần thiết/nghĩa vụ

3. If you finish your homework before dinner, you can watch a short film.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. lời khuyên B. khả năng/sự cho phép C. khả năng có thể xảy ra D. sự cần thiết/nghĩa vụ

4. If you keep staying up after midnight, you might feel tired in class.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. khả năng có thể xảy ra C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. lời khuyên

5. If students want to meet the project deadline, they must plan their time carefully.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. sự cần thiết/nghĩa vụ B. khả năng có thể xảy ra C. lời khuyên D. khả năng/sự cho phép

6. If Mai has a headache after using her phone for hours, she should rest her eyes.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. sự cần thiết/nghĩa vụ C. lời khuyên D. khả năng có thể xảy ra

**Bài 35.** Xác định chức năng giao tiếp chính của modal verb trong câu.

1. If Nam completes all his chores, he can go out with his friends.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. sự cần thiết/nghĩa vụ B. lời khuyên C. khả năng có thể xảy ra D. khả năng/sự cho phép

2. If we leave home ten minutes later, we may miss the school bus.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. lời khuyên B. khả năng có thể xảy ra C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng/sự cho phép

3. If the team wants to improve its presentation, it must practise together.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. lời khuyên C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng có thể xảy ra

4. If you do not understand the instructions, you should ask the teacher for clarification.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. lời khuyên B. sự cần thiết/nghĩa vụ C. khả năng/sự cho phép D. khả năng có thể xảy ra

5. If Linh finishes the science report tonight, she can submit it tomorrow morning.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. khả năng có thể xảy ra C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. lời khuyên

6. If the weather gets worse this afternoon, the match might be cancelled.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng có thể xảy ra B. sự cần thiết/nghĩa vụ C. khả năng/sự cho phép D. lời khuyên

**Bài 36.** Xác định chức năng giao tiếp chính của modal verb trong câu.

1. If you want to stay healthy during exam week, you should get enough sleep.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. lời khuyên C. khả năng có thể xảy ra D. sự cần thiết/nghĩa vụ

2. If Phong wants to use the computer room after class, he must follow the school rules.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. lời khuyên B. khả năng có thể xảy ra C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng/sự cho phép

3. If we arrive at the library before five, we can borrow the reference books.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. lời khuyên C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. khả năng có thể xảy ra

4. If your friend skips breakfast again, he may find it harder to concentrate.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng có thể xảy ra B. khả năng/sự cho phép C. sự cần thiết/nghĩa vụ D. lời khuyên

5. If Hoa feels overwhelmed by her assignments, she should make a list of priorities.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. sự cần thiết/nghĩa vụ B. khả năng có thể xảy ra C. khả năng/sự cho phép D. lời khuyên

6. If the students enter the laboratory, they must wear the required safety equipment.

Modal verb trong câu chủ yếu thể hiện ý nghĩa nào?

A. khả năng/sự cho phép B. lời khuyên C. khả năng có thể xảy ra D. sự cần thiết/nghĩa vụ

**Bài 37.** Kết hợp hai ý thành một câu điều kiện loại 1, sử dụng modal verb được cho.

1. You finish revising Unit 3 early. You can practise an extra reading task. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)

2. Minh delays the group task until Friday. He might not finish it on time. (Dùng might trong câu điều kiện loại 1.)

3. You want to reduce distractions. You should put your phone away while studying. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)

4. The class wants to organise a charity fair. Everyone must agree on a clear plan. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)

5. An saves enough pocket money. She can buy the dictionary she needs. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)

6. The rain continues all evening. Our outdoor activity may be postponed. (Dùng may trong câu điều kiện loại 1.)

**Bài 38.** Kết hợp hai ý thành một câu điều kiện loại 1, sử dụng modal verb được cho.

1. You have several tests next week. You should make a realistic study schedule. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)
2. Students borrow equipment from the media room. They must return it on time. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)
3. Tuan finishes his revision before eight. He can join the online study group. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
4. The bus is delayed again. We might arrive after the first bell. (Dùng might trong câu điều kiện loại 1.)
5. Your eyes feel tired. You should take a break from the screen. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)
6. The school holds a fire drill. Students must follow the teacher's instructions. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)

**Bài 39.** Kết hợp hai ý thành một câu điều kiện loại 1, sử dụng modal verb được cho.

1. Vy finishes her chores. She can meet her cousin at the bookshop. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
2. You do not back up your presentation. You may lose your work if the file is damaged. (Dùng may trong câu điều kiện loại 1.)
3. Khoa wants to improve his speaking. He should practise a little every day. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)
4. Participants enter the competition room. They must switch off their phones. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)
5. We complete the survey today. We can analyse the results tomorrow. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
6. The group ignores the deadline. It might lose marks. (Dùng might trong câu điều kiện loại 1.)

**Bài 40.** Kết hợp hai ý thành một câu điều kiện loại 1, sử dụng modal verb được cho.

1. You have difficulty sleeping. You should avoid using your phone right before bed. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)
2. The cyclists ride on this busy road. They must wear helmets. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)
3. Huy finishes lunch early. He can help decorate the classroom. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
4. The temperature drops tonight. The roads may become slippery. (Dùng may trong câu điều kiện loại 1.)
5. You want to remember new vocabulary. You should review it regularly. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)

6. The club uses the school hall. Members must leave it clean afterwards. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)

## **PHẦN C - VIẾT LẠI, SỬA LỖI VÀ DẤU CÂU**

**Bài 41.** Kết hợp hai ý thành một câu điều kiện loại 1, sử dụng modal verb được cho.

1. Mai and her partner finish the poster. They can rehearse their talk. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
2. The internet connection becomes unstable. Our video call might stop. (Dùng might trong câu điều kiện loại 1.)
3. You feel nervous before speaking. You should practise your opening lines. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)
4. Students take part in the chemistry activity. They must follow the safety rules. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)
5. Binh finishes the maths exercises. He can take a short break. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
6. We do not leave soon. We may get caught in heavy traffic. (Dùng may trong câu điều kiện loại 1.)

**Bài 42.** Kết hợp hai ý thành một câu điều kiện loại 1, sử dụng modal verb được cho.

1. Your timetable feels too crowded. You should decide which tasks are most urgent. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)
2. A student feels unwell during PE. He or she must tell the teacher. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)
3. The volunteers collect enough books. They can open a small reading corner. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
4. Trang skips too many practice sessions. She might feel less confident on performance day. (Dùng might trong câu điều kiện loại 1.)
5. You want to improve your concentration. You should study in a quiet place. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)
6. We use shared computers. We must protect our passwords. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)

**Bài 43.** Kết hợp hai ý thành một câu điều kiện loại 1, sử dụng modal verb được cho.

1. The class finishes the rehearsal early. We can check the slides once more. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
2. The printer runs out of ink. We may need to submit the report online. (Dùng may trong câu điều kiện loại 1.)
3. Your friend is worried about a deadline. You should help him break the task into smaller steps. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)

4. Students cross the road near the school gate. They must use the pedestrian crossing. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)
5. Nga completes the application correctly. She can send it before the deadline. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
6. The forecast is accurate. Our picnic might be moved indoors. (Dùng might trong câu điều kiện loại 1.)

**Bài 44.** Kết hợp hai ý thành một câu điều kiện loại 1, sử dụng modal verb được cho.

1. You want to build a better study routine. You should set a regular start time. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)
2. The group uses information from a website. It must check whether the source is reliable. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)
3. Quan finishes the practice test. He can compare his answers with the key. (Dùng can trong câu điều kiện loại 1.)
4. You rush through every question. You may make avoidable mistakes. (Dùng may trong câu điều kiện loại 1.)
5. A classmate feels left out. You should invite them to join the activity. (Dùng should trong câu điều kiện loại 1.)
6. Students work with electrical equipment. They must keep liquids away from it. (Dùng must trong câu điều kiện loại 1.)

**Bài 45.** Viết lại câu bằng cách đổi vị trí hai mệnh đề và dùng dấu câu đúng.

1. If the school library stays open late, we can study there after club activities.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
2. If you forget to charge your tablet, it might run out of power during class.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
3. If you want to speak more fluently, you should practise complete sentences instead of single words.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
4. If team members share private information, they must ask for permission first.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
5. If Thu finishes the book this week, she can join the discussion on Friday.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
6. If we take the longer route, we may arrive later than expected.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

**Bài 46.** Viết lại câu bằng cách đổi vị trí hai mệnh đề và dùng dấu câu đúng.

1. If you cannot remember a new phrase, you should use it in your own sentence.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

2. If the class visits a local workshop, students must listen to the safety briefing.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
3. If Long completes the online quiz, he can review the explanations afterwards.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
4. If the wind becomes stronger, the school event might move inside.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
5. If you have too many tasks for one evening, you should choose the most important ones first.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
6. If students use AI tools for a project, they must follow the teacher's rules about acceptable use.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

**Bài 47.** Viết lại câu bằng cách đổi vị trí hai mệnh đề và dùng dấu câu đúng.

1. If our group finishes collecting data, we can start making the chart.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
2. If you ignore the teacher's feedback, you may repeat the same mistake.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
3. If your friend feels anxious about a presentation, you should practise with them before class.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
4. If students join the school trip, they must arrive at the meeting point on time.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
5. If Phuc completes his chores before six, he can attend football practice.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
6. If the school server is busy, the upload might take longer.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

**Bài 48.** Viết lại câu bằng cách đổi vị trí hai mệnh đề và dùng dấu câu đúng.

1. If you want to improve your writing, you should check how your ideas are connected.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
2. If the debate team quotes statistics, it must mention the source.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
3. If Ha finishes the vocabulary review, she can move on to the grammar section.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
4. If we leave the windows open during the storm, rain may get into the classroom.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.
5. If you feel sleepy while revising, you should take a short active break.  
Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

6. If students submit an online assignment, they must check that the correct file is attached.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

**Bài 49.** Viết lại câu bằng cách đổi vị trí hai mệnh đề và dùng dấu câu đúng.

1. If the drama club finishes setting up the stage, members can begin the rehearsal.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

2. If you postpone every difficult task, you might feel even more stressed later.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

3. If you want to remember information for longer, you should review it over several days.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

4. If students enter a restricted area, they must have permission.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

5. If the science group completes the experiment, it can record the final results.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

6. If we choose a very late train, we may not get home before midnight.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

**Bài 50.** Viết lại câu bằng cách đổi vị trí hai mệnh đề và dùng dấu câu đúng.

1. If your partner speaks too quickly during rehearsal, you should ask them to slow down.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

2. If students use someone else's photo in a presentation, they must credit the source.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

3. If the class finishes the quiz early, students can check their answers.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

4. If you do not read the whole question, you might choose an answer too quickly.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

5. If you want to avoid last-minute stress, you should start long assignments early.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

6. If participants take part in a school sports event, they must follow the safety instructions.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

**Bài 51.** Viết lại câu bằng cách đổi vị trí hai mệnh đề và dùng dấu câu đúng.

1. If the study group agrees on a time, everyone can join the call together.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

2. If the roads are flooded tomorrow morning, the bus may take a different route.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

3. If you have trouble understanding a reading passage, you should look for the main idea first.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

4. If students use laboratory chemicals, they must follow the teacher's directions.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

5. If Nhi finishes the revision worksheet, she can try the challenge questions.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

6. If you spend the whole evening scrolling online, you might have less time to revise.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

**Bài 52.** Viết lại câu bằng cách đổi vị trí hai mệnh đề và dùng dấu câu đúng.

1. If you want to improve your pronunciation, you should listen and repeat in short chunks.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

2. If the class borrows sports equipment, students must return everything after the lesson.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

3. If we finish the project draft, we can ask another group for feedback.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

4. If the weather remains extremely hot, the outdoor session may be shortened.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

5. If your notes are difficult to review, you should organise them by topic.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

6. If students sit an important school test, they must follow the examination rules.

Viết lại với mệnh đề chính đứng trước.

**Bài 53.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. If Duy completes the reading task, he can starts the writing exercise.

2. If you do not save your document regularly, you might losing recent changes.

3. You should estimate how long each task will take, if you want to manage your time better.

4. If the club sells food at the school fair, members must to keep the area clean.

5. If our team solves the final clue, we can finishes the challenge.

6. If the train is full, we may having to wait for the next one.

**Bài 54.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. If your friend feels discouraged after a low score, you should reminding them to focus on what they can improve.

2. They must protect participants' privacy, if students handle personal data in a survey.

3. If the computer restarts successfully, we can to continue the presentation.

4. If you study in a very noisy room, you might finds it difficult to concentrate.

5. If you want to make your paragraph clearer, you should using linking words carefully.

6. They must stay with their assigned group, if students go on a field trip.

**Bài 55.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. We can begin collecting information, if the teacher approves our topic.
2. If we miss the last bus, we may to need to call a family member.
3. If you feel under pressure because of several deadlines, you should talks to a trusted adult.
4. If students use the art room after school, they must tidying the tables before leaving.
5. It can form two teams, if the club receives enough registrations.
6. If you forget the meeting time, you might to arrive late.

**Bài 56.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. If you want to avoid careless grammar errors, you should to leave time to proofread.
2. If students cycle to school in the dark, they must uses lights or reflectors.
3. If the group completes all six tasks, it can submitting the project.
4. The class may eat indoors, if the rain starts before lunchtime.
5. If you want to prepare for the entrance exam effectively, you should to review your recurring mistakes.
6. If students work in pairs during the speaking test, they must listens to each other carefully.

**Bài 57.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. If Lan finishes the mock test with time left, she can checks the difficult questions again.
2. If you guess every unfamiliar word from one clue, you might misunderstanding the sentence.
3. You should take a short break, if you feel stressed before a test.
4. If you finish your homework before dinner, you can to watch a short film.
5. If you keep staying up after midnight, you might feels tired in class.
6. If students want to meet the project deadline, they must planing their time carefully.

**Bài 58.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. If Mai has a headache after using her phone for hours, she should resting her eyes.
2. He can go out with his friends, if Nam completes all his chores.
3. If we leave home ten minutes later, we may to miss the school bus.
4. If the team wants to improve its presentation, it must practises together.
5. If you do not understand the instructions, you should asking the teacher for clarification.
6. She can submit it tomorrow morning, if Linh finishes the science report tonight.

**Bài 59.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. The match might be cancelled, if the weather gets worse this afternoon.
2. If you want to stay healthy during exam week, you should to get enough sleep.
3. If Phong wants to use the computer room after class, he must follows the school rules.
4. If we arrive at the library before five, we can borrowing the reference books.
5. He may find it harder to concentrate, if your friend skips breakfast again.
6. If Hoa feels overwhelmed by her assignments, she should to make a list of priorities.

**Bài 60.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. If the students enter the laboratory, they must to wear the required safety equipment.
2. If you finish revising Unit 3 early, you can practises an extra reading task.
3. If Minh delays the group task until Friday, he might not finishing it on time.
4. You should put your phone away while studying, if you want to reduce distractions.
5. If the class wants to organise a charity fair, everyone must to agree on a clear plan.
6. If An saves enough pocket money, she can buys the dictionary she needs.

## **PHẦN D - NGỮ CẢNH, TÌNH HUỐNG VÀ ĐOẠN VĂN**

**Bài 61.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. If the rain continues all evening, our outdoor activity may is postponed.
2. If you have several tests next week, you should making a realistic study schedule.
3. They must return it on time, if students borrow equipment from the media room.
4. If Tuan finishes his revision before eight, he can to join the online study group.
5. If the bus is delayed again, we might arrives after the first bell.
6. If your eyes feel tired, you should taking a break from the screen.

**Bài 62.** Tìm và sửa một lỗi ngữ pháp hoặc dấu câu trong mỗi câu.

1. If the school holds a fire drill, students must following the teacher's instructions.
2. She can meet her cousin at the bookshop, if Vy finishes her chores.
3. If you do not back up your presentation, you may to lose your work if the file is damaged.
4. If Khoa wants to improve his speaking, he should practises a little every day.
5. If participants enter the competition room, they must switching off their phones.
6. We can analyse the results tomorrow, if we complete the survey today.

**Bài 63.** Chọn câu điều kiện loại 1 đúng về cấu trúc và dấu câu.

1. Chọn câu đúng.  
A. If the group ignores the deadline it might lose marks.

- B. If the group ignores the deadline, it might loses marks.
- C. If the group ignores the deadline, it might lose marks.
- D. If the group ignores the deadline, it might to lose marks.

2. Chọn câu đúng.

- A. If you have difficulty sleeping, you should avoids using your phone right before bed.
- B. If you have difficulty sleeping, you should avoid using your phone right before bed.
- C. If you have difficulty sleeping, you should to avoid using your phone right before bed.
- D. If you have difficulty sleeping you should avoid using your phone right before bed.

3. Chọn câu đúng.

- A. If the cyclists ride on this busy road, they must to wear helmets.
- B. If the cyclists ride on this busy road, they must wear helmets.
- C. If the cyclists ride on this busy road they must wear helmets.
- D. If the cyclists ride on this busy road, they must wears helmets.

4. Chọn câu đúng.

- A. If Huy finishes lunch early he can help decorate the classroom.
- B. If Huy finishes lunch early, he can helps decorate the classroom.
- C. If Huy finishes lunch early, he can help decorate the classroom.
- D. If Huy finishes lunch early, he can to help decorate the classroom.

5. Chọn câu đúng.

- A. If the temperature drops tonight, the roads may become slippery.
- B. If the temperature drops tonight, the roads may to become slippery.
- C. If the temperature drops tonight the roads may become slippery.
- D. If the temperature drops tonight, the roads may becomes slippery.

6. Chọn câu đúng.

- A. If you want to remember new vocabulary, you should to review it regularly.
- B. If you want to remember new vocabulary, you should review it regularly.
- C. If you want to remember new vocabulary, you should reviews it regularly.
- D. If you want to remember new vocabulary you should review it regularly.

**Bài 64.** Chọn câu điều kiện loại 1 đúng về cấu trúc và dấu câu.

1. Chọn câu đúng.

- A. If the club uses the school hall members must leave it clean afterwards.
- B. If the club uses the school hall, members must to leave it clean afterwards.
- C. If the club uses the school hall, members must leaves it clean afterwards.
- D. If the club uses the school hall, members must leave it clean afterwards.

2. Chọn câu đúng.

- A. If Mai and her partner finish the poster, they can rehearse their talk.
- B. If Mai and her partner finish the poster they can rehearse their talk.
- C. If Mai and her partner finish the poster, they can to rehearse their talk.
- D. If Mai and her partner finish the poster, they can rehearses their talk.

3. Chọn câu đúng.

- A. If the internet connection becomes unstable, our video call might stop.
- B. If the internet connection becomes unstable our video call might stop.
- C. If the internet connection becomes unstable, our video call might stops.
- D. If the internet connection becomes unstable, our video call might to stop.

4. Chọn câu đúng.

- A. If you feel nervous before speaking, you should to practise your opening lines.
- B. If you feel nervous before speaking, you should practises your opening lines.
- C. If you feel nervous before speaking you should practise your opening lines.
- D. If you feel nervous before speaking, you should practise your opening lines.

5. Chọn câu đúng.

- A. If students take part in the chemistry activity they must follow the safety rules.
- B. If students take part in the chemistry activity, they must to follow the safety rules.
- C. If students take part in the chemistry activity, they must follows the safety rules.
- D. If students take part in the chemistry activity, they must follow the safety rules.

6. Chọn câu đúng.

- A. If Binh finishes the maths exercises, he can to take a short break.
- B. If Binh finishes the maths exercises, he can take a short break.
- C. If Binh finishes the maths exercises he can take a short break.
- D. If Binh finishes the maths exercises, he can takes a short break.

**Bài 65.** Chọn câu điều kiện loại 1 đúng về cấu trúc và dấu câu.

1. Chọn câu đúng.

- A. If we do not leave soon, we may get caught in heavy traffic.
- B. If we do not leave soon we may get caught in heavy traffic.
- C. If we do not leave soon, we may gets caught in heavy traffic.
- D. If we do not leave soon, we may to get caught in heavy traffic.

2. Chọn câu đúng.

- A. If your timetable feels too crowded, you should decides which tasks are most urgent.
- B. If your timetable feels too crowded, you should decide which tasks are most urgent.
- C. If your timetable feels too crowded you should decide which tasks are most urgent.
- D. If your timetable feels too crowded, you should to decide which tasks are most urgent.

3. Chọn câu đúng.

- A. If a student feels unwell during PE he or she must tell the teacher.
- B. If a student feels unwell during PE, he or she must to tell the teacher.
- C. If a student feels unwell during PE, he or she must tell the teacher.
- D. If a student feels unwell during PE, he or she must tells the teacher.

4. Chọn câu đúng.

- A. If the volunteers collect enough books they can open a small reading corner.
- B. If the volunteers collect enough books, they can to open a small reading corner.
- C. If the volunteers collect enough books, they can opens a small reading corner.
- D. If the volunteers collect enough books, they can open a small reading corner.

5. Chọn câu đúng.

- A. If Trang skips too many practice sessions, she might to feel less confident on performance day.
- B. If Trang skips too many practice sessions she might feel less confident on performance day.
- C. If Trang skips too many practice sessions, she might feel less confident on performance day.
- D. If Trang skips too many practice sessions, she might feels less confident on performance day.

6. Chọn câu đúng.

- A. If you want to improve your concentration, you should study in a quiet place.
- B. If you want to improve your concentration, you should to study in a quiet place.
- C. If you want to improve your concentration you should study in a quiet place.
- D. If you want to improve your concentration, you should studies in a quiet place.

**Bài 66.** Chọn câu điều kiện loại 1 đúng về cấu trúc và dấu câu.

1. Chọn câu đúng.

- A. If we use shared computers, we must protects our passwords.
- B. If we use shared computers, we must to protect our passwords.
- C. If we use shared computers we must protect our passwords.
- D. If we use shared computers, we must protect our passwords.

2. Chọn câu đúng.

- A. If the class finishes the rehearsal early, we can to check the slides once more.
- B. If the class finishes the rehearsal early, we can check the slides once more.
- C. If the class finishes the rehearsal early we can check the slides once more.
- D. If the class finishes the rehearsal early, we can checks the slides once more.

3. Chọn câu đúng.

- A. If the printer runs out of ink, we may need to submit the report online.
- B. If the printer runs out of ink, we may to need to submit the report online.
- C. If the printer runs out of ink, we may needs to submit the report online.
- D. If the printer runs out of ink we may need to submit the report online.

4. Chọn câu đúng.

- A. If your friend is worried about a deadline, you should helps him break the task into smaller steps.
- B. If your friend is worried about a deadline, you should to help him break the task into smaller steps.
- C. If your friend is worried about a deadline, you should help him break the task into smaller steps.
- D. If your friend is worried about a deadline you should help him break the task into smaller steps.

5. Chọn câu đúng.

- A. If students cross the road near the school gate, they must use the pedestrian crossing.

- B. If students cross the road near the school gate, they must to use the pedestrian crossing.
- C. If students cross the road near the school gate, they must uses the pedestrian crossing.
- D. If students cross the road near the school gate they must use the pedestrian crossing.

6. Chọn câu đúng.

- A. If Nga completes the application correctly, she can send it before the deadline.
- B. If Nga completes the application correctly she can send it before the deadline.
- C. If Nga completes the application correctly, she can sends it before the deadline.
- D. If Nga completes the application correctly, she can to send it before the deadline.

**Bài 67.** Chọn câu điều kiện loại 1 đúng về cấu trúc và dấu câu.

1. Chọn câu đúng.

- A. If the forecast is accurate, our picnic might is moved indoors.
- B. If the forecast is accurate our picnic might be moved indoors.
- C. If the forecast is accurate, our picnic might to be moved indoors.
- D. If the forecast is accurate, our picnic might be moved indoors.

2. Chọn câu đúng.

- A. If you want to build a better study routine, you should sets a regular start time.
- B. If you want to build a better study routine, you should to set a regular start time.
- C. If you want to build a better study routine you should set a regular start time.
- D. If you want to build a better study routine, you should set a regular start time.

3. Chọn câu đúng.

- A. If the group uses information from a website, it must checks whether the source is reliable.
- B. If the group uses information from a website, it must to check whether the source is reliable.
- C. If the group uses information from a website, it must check whether the source is reliable.
- D. If the group uses information from a website it must check whether the source is reliable.

4. Chọn câu đúng.

- A. If Quan finishes the practice test, he can to compare his answers with the key.
- B. If Quan finishes the practice test, he can compare his answers with the key.
- C. If Quan finishes the practice test, he can compares his answers with the key.
- D. If Quan finishes the practice test he can compare his answers with the key.

5. Chọn câu đúng.

- A. If you rush through every question, you may makes avoidable mistakes.
- B. If you rush through every question you may make avoidable mistakes.
- C. If you rush through every question, you may make avoidable mistakes.
- D. If you rush through every question, you may to make avoidable mistakes.

6. Chọn câu đúng.

- A. If a classmate feels left out, you should invites them to join the activity.
- B. If a classmate feels left out you should invite them to join the activity.

- C. If a classmate feels left out, you should invite them to join the activity.
- D. If a classmate feels left out, you should to invite them to join the activity.

**Bài 68.** Chọn câu điều kiện loại 1 đúng về cấu trúc và dấu câu.

1. Chọn câu đúng.

- A. If students work with electrical equipment, they must to keep liquids away from it.
- B. If students work with electrical equipment, they must keeps liquids away from it.
- C. If students work with electrical equipment, they must keep liquids away from it.
- D. If students work with electrical equipment they must keep liquids away from it.

2. Chọn câu đúng.

- A. If the school library stays open late, we can to study there after club activities.
- B. If the school library stays open late, we can studies there after club activities.
- C. If the school library stays open late we can study there after club activities.
- D. If the school library stays open late, we can study there after club activities.

3. Chọn câu đúng.

- A. If you forget to charge your tablet it might run out of power during class.
- B. If you forget to charge your tablet, it might to run out of power during class.
- C. If you forget to charge your tablet, it might run out of power during class.
- D. If you forget to charge your tablet, it might runs out of power during class.

4. Chọn câu đúng.

- A. If you want to speak more fluently you should practise complete sentences instead of single words.
- B. If you want to speak more fluently, you should to practise complete sentences instead of single words.
- C. If you want to speak more fluently, you should practise complete sentences instead of single words.
- D. If you want to speak more fluently, you should practises complete sentences instead of single words.

5. Chọn câu đúng.

- A. If team members share private information, they must ask for permission first.
- B. If team members share private information they must ask for permission first.
- C. If team members share private information, they must asks for permission first.
- D. If team members share private information, they must to ask for permission first.

6. Chọn câu đúng.

- A. If Thu finishes the book this week, she can joins the discussion on Friday.
- B. If Thu finishes the book this week she can join the discussion on Friday.
- C. If Thu finishes the book this week, she can join the discussion on Friday.
- D. If Thu finishes the book this week, she can to join the discussion on Friday.

**Bài 69.** Chọn câu điều kiện loại 1 đúng về cấu trúc và dấu câu.

1. Chọn câu đúng.

- A. If we take the longer route, we may to arrive later than expected.

- B. If we take the longer route we may arrive later than expected.
- C. If we take the longer route, we may arrive later than expected.
- D. If we take the longer route, we may arrives later than expected.

2. Chọn câu đúng.

- A. If you cannot remember a new phrase you should use it in your own sentence.
- B. If you cannot remember a new phrase, you should to use it in your own sentence.
- C. If you cannot remember a new phrase, you should use it in your own sentence.
- D. If you cannot remember a new phrase, you should uses it in your own sentence.

3. Chọn câu đúng.

- A. If the class visits a local workshop, students must to listen to the safety briefing.
- B. If the class visits a local workshop students must listen to the safety briefing.
- C. If the class visits a local workshop, students must listens to the safety briefing.
- D. If the class visits a local workshop, students must listen to the safety briefing.

4. Chọn câu đúng.

- A. If Long completes the online quiz, he can review the explanations afterwards.
- B. If Long completes the online quiz, he can to review the explanations afterwards.
- C. If Long completes the online quiz he can review the explanations afterwards.
- D. If Long completes the online quiz, he can reviews the explanations afterwards.

5. Chọn câu đúng.

- A. If the wind becomes stronger the school event might move inside.
- B. If the wind becomes stronger, the school event might moves inside.
- C. If the wind becomes stronger, the school event might move inside.
- D. If the wind becomes stronger, the school event might to move inside.

6. Chọn câu đúng.

- A. If you have too many tasks for one evening you should choose the most important ones first.
- B. If you have too many tasks for one evening, you should chooses the most important ones first.
- C. If you have too many tasks for one evening, you should choose the most important ones first.
- D. If you have too many tasks for one evening, you should to choose the most important ones first.

**Bài 70.** Chọn câu điều kiện loại 1 đúng về cấu trúc và dấu câu.

1. Chọn câu đúng.

- A. If students use AI tools for a project, they must follows the teacher's rules about acceptable use.
- B. If students use AI tools for a project, they must to follow the teacher's rules about acceptable use.
- C. If students use AI tools for a project they must follow the teacher's rules about acceptable use.

D. If students use AI tools for a project, they must follow the teacher's rules about acceptable use.

2. Chọn câu đúng.

- A. If our group finishes collecting data, we can start making the chart.
- B. If our group finishes collecting data we can start making the chart.
- C. If our group finishes collecting data, we can to start making the chart.
- D. If our group finishes collecting data, we can starts making the chart.

3. Chọn câu đúng.

- A. If you ignore the teacher's feedback, you may to repeat the same mistake.
- B. If you ignore the teacher's feedback you may repeat the same mistake.
- C. If you ignore the teacher's feedback, you may repeat the same mistake.
- D. If you ignore the teacher's feedback, you may repeats the same mistake.

4. Chọn câu đúng.

- A. If your friend feels anxious about a presentation, you should practises with them before class.
- B. If your friend feels anxious about a presentation, you should to practise with them before class.
- C. If your friend feels anxious about a presentation you should practise with them before class.
- D. If your friend feels anxious about a presentation, you should practise with them before class.

5. Chọn câu đúng.

- A. If students join the school trip, they must arrives at the meeting point on time.
- B. If students join the school trip they must arrive at the meeting point on time.
- C. If students join the school trip, they must arrive at the meeting point on time.
- D. If students join the school trip, they must to arrive at the meeting point on time.

6. Chọn câu đúng.

- A. If Phuc completes his chores before six, he can attend football practice.
- B. If Phuc completes his chores before six, he can to attend football practice.
- C. If Phuc completes his chores before six he can attend football practice.
- D. If Phuc completes his chores before six, he can attends football practice.

**Bài 71.** Sắp xếp các từ/cụm từ thành câu điều kiện loại 1 đúng.

- 1. If / longer / is / the / server / take / the / might / upload / busy / school
- 2. If / writing / you / should / check / are / improve / your / how / want / your / to / connected / you / ideas
- 3. If / must / debate / quotes / source / statistics / it / team / mention / the / the
- 4. If / review / the / to / Ha / can / on / section / move / grammar / vocabulary / she / the / finishes

5. If / get / into / rain / may / the / open / storm / the / classroom / during / windows / leave / we / the

6. If / a / break / active / you / sleepy / feel / you / should / take / revising / while / short

**Bài 72.** Sắp xếp các từ/cụm từ thành câu điều kiện loại 1 đúng.

1. If / file / check / the / online / students / attached / submit / correct / that / must / is / assignment / an / they

2. If / can / rehearsal / club / up / drama / the / stage / members / setting / begin / the / finishes / the

3. If / stressed / postpone / might / even / later / more / difficult / task / every / feel / you / you

4. If / remember / days / to / you / it / for / review / information / over / you / longer / should / want / several

5. If / area / a / permission / enter / must / restricted / they / students / have

6. If / the / record / the / results / can / experiment / final / the / science / it / group / completes

**Bài 73.** Sắp xếp các từ/cụm từ thành câu điều kiện loại 1 đúng.

1. If / we / may / late / get / before / very / we / home / not / train / midnight / a / choose

2. If / should / partner / down / ask / to / too / speaks / rehearsal / you / them / slow / your / quickly / during

3. If / a / the / use / students / presentation / else's / source / must / in / someone / they / photo / credit

4. If / quiz / the / class / check / early / answers / finishes / their / can / students / the

5. If / you / not / question / an / do / whole / choose / you / too / the / answer / quickly / might / read

6. If / minute / long / you / should / avoid / to / you / want / start / early / stress / last / assignments

**Bài 74.** Sắp xếp các từ/cụm từ thành câu điều kiện loại 1 đúng.

1. If / safety / a / in / instructions / sports / take / follow / the / participants / must / part / they / school / event

2. If / the / agrees / the / call / group / everyone / join / can / on / together / time / study / a

3. If / the / take / may / roads / are / flooded / the / morning / different / tomorrow / a / route / bus

4. If / reading / you / understanding / look / first / have / a / main / you / for / passage / should / trouble / idea / the

5. If / students / they / laboratory / use / the / teacher's / chemicals / follow / must / directions

6. If / Nhi / the / she / can / finishes / challenge / the / worksheet / try / revision / questions

**Bài 75.** Sắp xếp các từ/cụm từ thành câu điều kiện loại 1 đúng.

1. If / you / online / scrolling / might / less / spend / time / have / the / revise / to / evening / you / whole
2. If / you / to / short / should / you / improve / want / chunks / your / repeat / in / pronunciation / listen / and
3. If / the / sports / must / lesson / class / the / after / everything / borrows / equipment / return / students
4. If / project / another / feedback / we / we / group / finish / for / ask / can / draft / the
5. If / be / remains / the / hot / session / the / may / weather / shortened / outdoor / extremely
6. If / should / are / notes / you / to / topic / organise / your / difficult / review / them / by

**Bài 76.** Sắp xếp các từ/cụm từ thành câu điều kiện loại 1 đúng.

1. If / examination / the / must / rules / school / students / follow / an / test / sit / they / important
2. If / the / exercise / he / writing / Duy / start / the / can / reading / task / completes
3. If / do / regularly / not / might / lose / recent / document / your / you / changes / save / you
4. If / you / your / task / to / each / manage / you / take / time / long / should / want / estimate / better / how / will
5. If / the / clean / at / club / the / school / must / food / the / area / sells / fair / members / keep
6. If / we / final / our / can / the / challenge / the / team / solves / clue / finish

**Bài 77.** Sắp xếp các từ/cụm từ thành câu điều kiện loại 1 đúng.

1. If / may / full / to / one / have / we / for / is / train / wait / the / next / the
2. If / low / should / focus / what / score / you / to / them / discouraged / feels / they / can / your / friend / remind / after / improve / on / a
3. If / protect / in / handle / survey / privacy / participants / a / students / data / personal / must / they
4. If / the / successfully / computer / we / the / continue / can / presentation / restarts
5. If / very / might / study / difficult / you / find / a / it / to / concentrate / noisy / you / in / room
6. If / words / want / paragraph / to / your / linking / carefully / should / use / you / make / you / clearer

**Bài 78.** Sắp xếp các từ/cụm từ thành câu điều kiện loại 1 đúng.

1. If / their / group / they / a / field / assigned / go / on / trip / must / with / students / stay
2. If / our / teacher / approves / we / collecting / the / information / can / topic / begin
3. If / bus / a / need / call / we / to / last / member / miss / family / we / the / may
4. If / pressure / of / you / to / because / trusted / deadlines / under / a / adult / talk / you / feel / several / should
5. If / school / art / tidy / leaving / the / the / after / students / use / before / must / room / tables / they
6. If / club / enough / it / receives / teams / two / the / registrations / form / can

**Bài 79.** Chọn câu điều kiện phù hợp nhất với tình huống.

1. Tình huống: You forget the meeting time.  
Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.  
 A. If you forget the meeting time, you might arrive late.  
 B. If you forget the meeting time, you might to arrive late.  
 C. If you forget the meeting time, you must arrive late.  
 D. If you forget the meeting time you might arrive late.
2. Tình huống: You want to avoid careless grammar errors.  
Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.  
 A. If you want to avoid careless grammar errors, you should to leave time to proofread.  
 B. If you want to avoid careless grammar errors, you might leave time to proofread.  
 C. If you want to avoid careless grammar errors, you should leave time to proofread.  
 D. If you want to avoid careless grammar errors you should leave time to proofread.
3. Tình huống: Students cycle to school in the dark.  
Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.  
 A. If students cycle to school in the dark they must use lights or reflectors.  
 B. If students cycle to school in the dark, they may use lights or reflectors.  
 C. If students cycle to school in the dark, they must use lights or reflectors.  
 D. If students cycle to school in the dark, they must to use lights or reflectors.
4. Tình huống: The group completes all six tasks.  
Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.  
 A. If the group completes all six tasks, it can submit the project.  
 B. If the group completes all six tasks it can submit the project.  
 C. If the group completes all six tasks, it must submit the project.  
 D. If the group completes all six tasks, it can to submit the project.
5. Tình huống: The rain starts before lunchtime.  
Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.  
 A. If the rain starts before lunchtime, the class may to eat indoors.  
 B. If the rain starts before lunchtime, the class may eat indoors.  
 C. If the rain starts before lunchtime the class may eat indoors.  
 D. If the rain starts before lunchtime, the class must eat indoors.

6. Tình huống: You want to prepare for the entrance exam effectively.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you want to prepare for the entrance exam effectively you should review your recurring mistakes.
- B. If you want to prepare for the entrance exam effectively, you might review your recurring mistakes.
- C. If you want to prepare for the entrance exam effectively, you should to review your recurring mistakes.
- D. If you want to prepare for the entrance exam effectively, you should review your recurring mistakes.

**Bài 80.** Chọn câu điều kiện phù hợp nhất với tình huống.

1. Tình huống: Students work in pairs during the speaking test.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If students work in pairs during the speaking test, they must listen to each other carefully.
- B. If students work in pairs during the speaking test, they must to listen to each other carefully.
- C. If students work in pairs during the speaking test, they may listen to each other carefully.
- D. If students work in pairs during the speaking test they must listen to each other carefully.

2. Tình huống: Lan finishes the mock test with time left.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If Lan finishes the mock test with time left, she must check the difficult questions again.
- B. If Lan finishes the mock test with time left, she can check the difficult questions again.
- C. If Lan finishes the mock test with time left she can check the difficult questions again.
- D. If Lan finishes the mock test with time left, she can to check the difficult questions again.

3. Tình huống: You guess every unfamiliar word from one clue.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you guess every unfamiliar word from one clue, you might to misunderstand the sentence.
- B. If you guess every unfamiliar word from one clue, you must misunderstand the sentence.
- C. If you guess every unfamiliar word from one clue you might misunderstand the sentence.
- D. If you guess every unfamiliar word from one clue, you might misunderstand the sentence.

4. Tình huống: You feel stressed before a test.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you feel stressed before a test, you should take a short break.
- B. If you feel stressed before a test you should take a short break.
- C. If you feel stressed before a test, you might take a short break.
- D. If you feel stressed before a test, you should to take a short break.

5. Tình huống: You finish your homework before dinner.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you finish your homework before dinner, you can watch a short film.
- B. If you finish your homework before dinner you can watch a short film.
- C. If you finish your homework before dinner, you must watch a short film.
- D. If you finish your homework before dinner, you can to watch a short film.

6. Tình huống: You keep staying up after midnight.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you keep staying up after midnight, you might feel tired in class.
- B. If you keep staying up after midnight, you might to feel tired in class.
- C. If you keep staying up after midnight, you must feel tired in class.
- D. If you keep staying up after midnight you might feel tired in class.

## **PHẦN E - VẬN DỤNG NÂNG CAO VÀ ÔN TUYỂN SINH 10**

**Bài 81.** Chọn câu điều kiện phù hợp nhất với tình huống.

1. Tình huống: Students want to meet the project deadline.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If students want to meet the project deadline, they may plan their time carefully.
- B. If students want to meet the project deadline they must plan their time carefully.
- C. If students want to meet the project deadline, they must to plan their time carefully.
- D. If students want to meet the project deadline, they must plan their time carefully.

2. Tình huống: Mai has a headache after using her phone for hours.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If Mai has a headache after using her phone for hours, she should rest her eyes.
- B. If Mai has a headache after using her phone for hours, she should to rest her eyes.
- C. If Mai has a headache after using her phone for hours, she might rest her eyes.
- D. If Mai has a headache after using her phone for hours she should rest her eyes.

3. Tình huống: Nam completes all his chores.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If Nam completes all his chores, he must go out with his friends.
- B. If Nam completes all his chores, he can go out with his friends.
- C. If Nam completes all his chores he can go out with his friends.
- D. If Nam completes all his chores, he can to go out with his friends.

4. Tình huống: We leave home ten minutes later.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If we leave home ten minutes later we may miss the school bus.
- B. If we leave home ten minutes later, we may to miss the school bus.
- C. If we leave home ten minutes later, we may miss the school bus.
- D. If we leave home ten minutes later, we must miss the school bus.

5. Tình huống: The team wants to improve its presentation.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If the team wants to improve its presentation, it may practise together.
- B. If the team wants to improve its presentation it must practise together.
- C. If the team wants to improve its presentation, it must to practise together.
- D. If the team wants to improve its presentation, it must practise together.

6. Tình huống: You do not understand the instructions.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you do not understand the instructions, you might ask the teacher for clarification.
- B. If you do not understand the instructions, you should to ask the teacher for clarification.
- C. If you do not understand the instructions, you should ask the teacher for clarification.
- D. If you do not understand the instructions you should ask the teacher for clarification.

**Bài 82.** Chọn câu điều kiện phù hợp nhất với tình huống.

1. Tình huống: Linh finishes the science report tonight.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If Linh finishes the science report tonight she can submit it tomorrow morning.
- B. If Linh finishes the science report tonight, she can to submit it tomorrow morning.
- C. If Linh finishes the science report tonight, she can submit it tomorrow morning.
- D. If Linh finishes the science report tonight, she must submit it tomorrow morning.

2. Tình huống: The weather gets worse this afternoon.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If the weather gets worse this afternoon, the match might to be cancelled.
- B. If the weather gets worse this afternoon the match might be cancelled.
- C. If the weather gets worse this afternoon, the match must be cancelled.
- D. If the weather gets worse this afternoon, the match might be cancelled.

3. Tình huống: You want to stay healthy during exam week.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you want to stay healthy during exam week you should get enough sleep.
- B. If you want to stay healthy during exam week, you might get enough sleep.
- C. If you want to stay healthy during exam week, you should to get enough sleep.
- D. If you want to stay healthy during exam week, you should get enough sleep.

4. Tình huống: Phong wants to use the computer room after class.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If Phong wants to use the computer room after class he must follow the school rules.
- B. If Phong wants to use the computer room after class, he must to follow the school rules.
- C. If Phong wants to use the computer room after class, he must follow the school rules.
- D. If Phong wants to use the computer room after class, he may follow the school rules.

5. Tình huống: We arrive at the library before five.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If we arrive at the library before five, we must borrow the reference books.
- B. If we arrive at the library before five we can borrow the reference books.
- C. If we arrive at the library before five, we can to borrow the reference books.
- D. If we arrive at the library before five, we can borrow the reference books.

6. Tình huống: Your friend skips breakfast again.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If your friend skips breakfast again, he may find it harder to concentrate.
- B. If your friend skips breakfast again, he may to find it harder to concentrate.
- C. If your friend skips breakfast again, he must find it harder to concentrate.
- D. If your friend skips breakfast again he may find it harder to concentrate.

**Bài 83.** Chọn câu điều kiện phù hợp nhất với tình huống.

1. Tình huống: Hoa feels overwhelmed by her assignments.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If Hoa feels overwhelmed by her assignments, she should make a list of priorities.
- B. If Hoa feels overwhelmed by her assignments she should make a list of priorities.
- C. If Hoa feels overwhelmed by her assignments, she might make a list of priorities.
- D. If Hoa feels overwhelmed by her assignments, she should to make a list of priorities.

2. Tình huống: The students enter the laboratory.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If the students enter the laboratory, they must wear the required safety equipment.
- B. If the students enter the laboratory they must wear the required safety equipment.
- C. If the students enter the laboratory, they must to wear the required safety equipment.
- D. If the students enter the laboratory, they may wear the required safety equipment.

3. Tình huống: You finish revising Unit 3 early.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you finish revising Unit 3 early, you can to practise an extra reading task.
- B. If you finish revising Unit 3 early, you can practise an extra reading task.
- C. If you finish revising Unit 3 early, you must practise an extra reading task.
- D. If you finish revising Unit 3 early you can practise an extra reading task.

4. Tình huống: Minh delays the group task until Friday.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If Minh delays the group task until Friday, he might not finish it on time.
- B. If Minh delays the group task until Friday he might not finish it on time.
- C. If Minh delays the group task until Friday, he might not to finish it on time.
- D. If Minh delays the group task until Friday, he must not finish it on time.

5. Tình huống: You want to reduce distractions.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you want to reduce distractions, you should to put your phone away while studying.
- B. If you want to reduce distractions you should put your phone away while studying.
- C. If you want to reduce distractions, you should put your phone away while studying.
- D. If you want to reduce distractions, you might put your phone away while studying.

6. Tình huống: The class wants to organise a charity fair.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If the class wants to organise a charity fair, everyone must agree on a clear plan.
- B. If the class wants to organise a charity fair everyone must agree on a clear plan.

- C. If the class wants to organise a charity fair, everyone must to agree on a clear plan.  
D. If the class wants to organise a charity fair, everyone may agree on a clear plan.

**Bài 84.** Chọn câu điều kiện phù hợp nhất với tình huống.

1. Tình huống: An saves enough pocket money.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If An saves enough pocket money, she can buy the dictionary she needs.  
B. If An saves enough pocket money she can buy the dictionary she needs.  
C. If An saves enough pocket money, she can to buy the dictionary she needs.  
D. If An saves enough pocket money, she must buy the dictionary she needs.

2. Tình huống: The rain continues all evening.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If the rain continues all evening, our outdoor activity must be postponed.  
B. If the rain continues all evening, our outdoor activity may be postponed.  
C. If the rain continues all evening our outdoor activity may be postponed.  
D. If the rain continues all evening, our outdoor activity may to be postponed.

3. Tình huống: You have several tests next week.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If you have several tests next week you should make a realistic study schedule.  
B. If you have several tests next week, you should to make a realistic study schedule.  
C. If you have several tests next week, you might make a realistic study schedule.  
D. If you have several tests next week, you should make a realistic study schedule.

4. Tình huống: Students borrow equipment from the media room.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If students borrow equipment from the media room, they must to return it on time.  
B. If students borrow equipment from the media room, they must return it on time.  
C. If students borrow equipment from the media room they must return it on time.  
D. If students borrow equipment from the media room, they may return it on time.

5. Tình huống: Tuan finishes his revision before eight.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If Tuan finishes his revision before eight, he must join the online study group.  
B. If Tuan finishes his revision before eight, he can join the online study group.  
C. If Tuan finishes his revision before eight he can join the online study group.  
D. If Tuan finishes his revision before eight, he can to join the online study group.

6. Tình huống: The bus is delayed again.

Chọn câu phản hồi phù hợp và đúng ngữ pháp nhất.

- A. If the bus is delayed again, we must arrive after the first bell.  
B. If the bus is delayed again, we might to arrive after the first bell.  
C. If the bus is delayed again we might arrive after the first bell.  
D. If the bus is delayed again, we might arrive after the first bell.

**Bài 85.** Hoàn thành đoạn văn bằng dạng động từ hoặc modal verb phù hợp.

Exam week is approaching. If you (1) \_\_\_\_\_ your tasks clearly, you can work more

efficiently. If you (2) \_\_\_\_\_ too many jobs until the last day, you might feel overwhelmed. You (3) \_\_\_\_\_ take short breaks if you lose concentration. If a topic (4) \_\_\_\_\_ difficult, you can ask your teacher for help. You (5) \_\_\_\_\_ also turn off unnecessary notifications if you want fewer distractions. If you follow a realistic plan, you (6) \_\_\_\_\_ feel more in control.

1. Đọc đoạn văn của Bài 85 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (1).
2. Đọc đoạn văn của Bài 85 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (2).
3. Đọc đoạn văn của Bài 85 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (3).
4. Đọc đoạn văn của Bài 85 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (4).
5. Đọc đoạn văn của Bài 85 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (5).
6. Đọc đoạn văn của Bài 85 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (6).

**Bài 86.** Hoàn thành đoạn văn bằng dạng động từ hoặc modal verb phù hợp.

Our class is preparing for a science fair. If the team (1) \_\_\_\_\_ the lab, everyone must follow the safety rules. We (2) \_\_\_\_\_ begin the experiment if the teacher approves our plan. If the equipment (3) \_\_\_\_\_ properly, the results might be unreliable. We (4) \_\_\_\_\_ record each step carefully if we want accurate data. If someone (5) \_\_\_\_\_ unsure about a procedure, they should ask before continuing. We (6) \_\_\_\_\_ finish on time if we work together efficiently.

1. Đọc đoạn văn của Bài 86 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (1).
2. Đọc đoạn văn của Bài 86 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (2).
3. Đọc đoạn văn của Bài 86 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (3).
4. Đọc đoạn văn của Bài 86 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (4).
5. Đọc đoạn văn của Bài 86 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (5).
6. Đọc đoạn văn của Bài 86 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (6).

**Bài 87.** Hoàn thành đoạn văn bằng dạng động từ hoặc modal verb phù hợp.

Linh wants to improve her English before the entrance exam. If she (1) \_\_\_\_\_ a mistake repeatedly, she should note it in an error log. She (2) \_\_\_\_\_ improve faster if she reviews those errors regularly. If a reading passage (3) \_\_\_\_\_ difficult, she can first look for the main idea. She (4) \_\_\_\_\_ not spend too long on one question if time is limited. If she (5) \_\_\_\_\_ enough practice tests, she might become more confident. She (6) \_\_\_\_\_ ask her teacher for guidance if a grammar point remains unclear.

1. Đọc đoạn văn của Bài 87 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (1).
2. Đọc đoạn văn của Bài 87 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (2).
3. Đọc đoạn văn của Bài 87 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (3).
4. Đọc đoạn văn của Bài 87 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (4).
5. Đọc đoạn văn của Bài 87 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (5).
6. Đọc đoạn văn của Bài 87 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (6).

**Bài 88.** Hoàn thành đoạn văn bằng dạng động từ hoặc modal verb phù hợp.

The school is organising an outdoor activity. If the weather (1) \_\_\_\_\_ fine, we can use the sports field. If it (2) \_\_\_\_\_ heavily, the event may move indoors. Students (3) \_\_\_\_\_ bring water if the day is hot. If anyone (4) \_\_\_\_\_ unwell, they must tell a teacher. We (5) \_\_\_\_\_ still enjoy the activity if everyone follows the plan. If the schedule (6) \_\_\_\_\_, the school may send an update.

1. Đọc đoạn văn của Bài 88 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (1).
2. Đọc đoạn văn của Bài 88 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (2).
3. Đọc đoạn văn của Bài 88 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (3).
4. Đọc đoạn văn của Bài 88 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (4).
5. Đọc đoạn văn của Bài 88 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (5).
6. Đọc đoạn văn của Bài 88 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (6).

**Bài 89.** Hoàn thành đoạn văn bằng dạng động từ hoặc modal verb phù hợp.

A group is making a digital presentation. If members (1) \_\_\_\_\_ information online, they must check the source. They (2) \_\_\_\_\_ use a photo if they have permission or an appropriate licence. If the file (3) \_\_\_\_\_ too large, it might be difficult to upload. The group (4) \_\_\_\_\_ compress the images if necessary. If everyone (5) \_\_\_\_\_ a copy, the team may avoid losing its work. They (6) \_\_\_\_\_ proofread the final slides if they want a clear presentation.

1. Đọc đoạn văn của Bài 89 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (1).
2. Đọc đoạn văn của Bài 89 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (2).
3. Đọc đoạn văn của Bài 89 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (3).
4. Đọc đoạn văn của Bài 89 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (4).
5. Đọc đoạn văn của Bài 89 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (5).
6. Đọc đoạn văn của Bài 89 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (6).

**Bài 90.** Hoàn thành đoạn văn bằng dạng động từ hoặc modal verb phù hợp.

Nam is trying to build a healthier study routine. If he (1) \_\_\_\_\_ up very late, he may feel sleepy the next morning. He (2) \_\_\_\_\_ set a regular bedtime if he wants enough rest. If he (3) \_\_\_\_\_ his phone beside him while studying, notifications might distract him. He (4) \_\_\_\_\_ put it away for short study periods. If he (5) \_\_\_\_\_ tired, he should take a brief break. He (6) \_\_\_\_\_ manage his schoolwork better if he plans ahead.

1. Đọc đoạn văn của Bài 90 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (1).
2. Đọc đoạn văn của Bài 90 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (2).
3. Đọc đoạn văn của Bài 90 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (3).
4. Đọc đoạn văn của Bài 90 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (4).
5. Đọc đoạn văn của Bài 90 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (5).
6. Đọc đoạn văn của Bài 90 và điền từ phù hợp vào chỗ trống (6).

**Bài 91.** Viết lại câu, giữ nguyên nghĩa và sử dụng dấu câu đúng.

1. You should take a break from the screen if your eyes feel tired.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
2. Students must follow the teacher's instructions if the school holds a fire drill.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
3. She can meet her cousin at the bookshop if Vy finishes her chores.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
4. You may lose your work if the file is damaged if you do not back up your presentation.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
5. He should practise a little every day if Khoa wants to improve his speaking.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
6. They must switch off their phones if participants enter the competition room.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

**Bài 92.** Viết lại câu, giữ nguyên nghĩa và sử dụng dấu câu đúng.

1. We can analyse the results tomorrow if we complete the survey today.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
2. It might lose marks if the group ignores the deadline.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
3. You should avoid using your phone right before bed if you have difficulty sleeping.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
4. They must wear helmets if the cyclists ride on this busy road.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
5. He can help decorate the classroom if Huy finishes lunch early.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
6. The roads may become slippery if the temperature drops tonight.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

**Bài 93.** Viết lại câu, giữ nguyên nghĩa và sử dụng dấu câu đúng.

1. You should review it regularly if you want to remember new vocabulary.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
2. Members must leave it clean afterwards if the club uses the school hall.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
3. They can rehearse their talk if Mai and her partner finish the poster.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.
4. Our video call might stop if the internet connection becomes unstable.  
Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

5. You should practise your opening lines if you feel nervous before speaking.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

6. They must follow the safety rules if students take part in the chemistry activity.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

**Bài 94.** Viết lại câu, giữ nguyên nghĩa và sử dụng dấu câu đúng.

1. He can take a short break if Binh finishes the maths exercises.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

2. We may get caught in heavy traffic if we do not leave soon.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

3. You should decide which tasks are most urgent if your timetable feels too crowded.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

4. He or she must tell the teacher if a student feels unwell during PE.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

5. They can open a small reading corner if the volunteers collect enough books.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

6. She might feel less confident on performance day if Trang skips too many practice sessions.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

**Bài 95.** Viết lại câu, giữ nguyên nghĩa và sử dụng dấu câu đúng.

1. You should study in a quiet place if you want to improve your concentration.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

2. We must protect our passwords if we use shared computers.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

3. We can check the slides once more if the class finishes the rehearsal early.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

4. We may need to submit the report online if the printer runs out of ink.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

5. You should help him break the task into smaller steps if your friend is worried about a deadline.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

6. They must use the pedestrian crossing if students cross the road near the school gate.

Viết lại câu bắt đầu bằng If mà không đổi nghĩa.

**Bài 96.** Bài tổng hợp nâng cao theo dạng thường gặp trong kiểm tra và ôn tuyển sinh vào lớp 10.

1. If Nga completes the application correctly, she can send it before the deadline.

What is the main function of the modal verb?

A. advice B. necessity / obligation C. ability / permission D. possibility

2. Choose the grammatically correct sentence.

- A. If the forecast is accurate, our picnic might to be moved indoors.
- B. Our picnic might be moved indoors, if the forecast is accurate.
- C. If the forecast is accurate our picnic might be moved indoors.
- D. If the forecast is accurate, our picnic might be moved indoors.

3. You should set a regular start time if you want to build a better study routine.

Choose the sentence that keeps the same meaning and begins with If.

- A. If you want to build a better study routine, you should to set a regular start time.
- B. If you want to build a better study routine you should set a regular start time.
- C. If you want to build a better study routine, you should set a regular start time.
- D. You should set a regular start time unless you want to build a better study routine.

4. Choose the sentence with correct punctuation.

- A. If the group uses information from a website it must check whether the source is reliable.
- B. If the group uses information from a website, it must check whether the source is reliable.
- C. It must check whether the source is reliable, if the group uses information from a website.
- D. If, the group uses information from a website, it must check whether the source is reliable.

5. If Quan finishes the practice test, he can \_\_\_\_\_ his answers with the key.

- A. comparing B. compares C. compare D. to compare

6. If you rush through every question, you may make avoidable mistakes.

What is the main function of the modal verb?

- A. ability / permission B. possibility C. advice D. necessity / obligation

**Bài 97.** Bài tổng hợp nâng cao theo dạng thường gặp trong kiểm tra và ôn tuyển sinh vào lớp 10.

1. Choose the grammatically correct sentence.

- A. If a classmate feels left out you should invite them to join the activity.
- B. If a classmate feels left out, you should invite them to join the activity.
- C. If a classmate feels left out, you should to invite them to join the activity.
- D. You should invite them to join the activity, if a classmate feels left out.

2. They must keep liquids away from it if students work with electrical equipment.

Choose the sentence that keeps the same meaning and begins with If.

- A. If students work with electrical equipment, they must keep liquids away from it.
- B. If students work with electrical equipment, they must to keep liquids away from it.
- C. They must keep liquids away from it unless students work with electrical equipment.
- D. If students work with electrical equipment they must keep liquids away from it.

3. Choose the sentence with correct punctuation.

- A. If the school library stays open late we can study there after club activities.
- B. If the school library stays open late, we can study there after club activities.

- C. If, the school library stays open late, we can study there after club activities.  
D. We can study there after club activities, if the school library stays open late.
4. If you forget to charge your tablet, it might \_\_\_\_\_ out of power during class.  
A. runs B. runing C. to run D. run
5. If you want to speak more fluently, you should practise complete sentences instead of single words.  
What is the main function of the modal verb?  
A. advice B. necessity / obligation C. ability / permission D. possibility
6. Choose the grammatically correct sentence.  
A. If team members share private information they must ask for permission first.  
B. If team members share private information, they must ask for permission first.  
C. If team members share private information, they must to ask for permission first.  
D. They must ask for permission first, if team members share private information.

**Bài 98.** Bài tổng hợp nâng cao theo dạng thường gặp trong kiểm tra và ôn tuyển sinh vào lớp 10.

1. She can join the discussion on Friday if Thu finishes the book this week.  
Choose the sentence that keeps the same meaning and begins with If.  
A. If Thu finishes the book this week, she can to join the discussion on Friday.  
B. If Thu finishes the book this week, she can join the discussion on Friday.  
C. If Thu finishes the book this week she can join the discussion on Friday.  
D. She can join the discussion on Friday unless Thu finishes the book this week.
2. Choose the sentence with correct punctuation.  
A. If we take the longer route we may arrive later than expected.  
B. We may arrive later than expected, if we take the longer route.  
C. If, we take the longer route, we may arrive later than expected.  
D. If we take the longer route, we may arrive later than expected.
3. If you cannot remember a new phrase, you should \_\_\_\_\_ it in your own sentence.  
A. to use B. use C. uses D. using
4. If the class visits a local workshop, students must listen to the safety briefing.  
What is the main function of the modal verb?  
A. necessity / obligation B. ability / permission C. advice D. possibility
5. Choose the grammatically correct sentence.  
A. If Long completes the online quiz, he can review the explanations afterwards.  
B. If Long completes the online quiz he can review the explanations afterwards.  
C. He can review the explanations afterwards, if Long completes the online quiz.  
D. If Long completes the online quiz, he can to review the explanations afterwards.
6. The school event might move inside if the wind becomes stronger.  
Choose the sentence that keeps the same meaning and begins with If.  
A. If the wind becomes stronger the school event might move inside.  
B. If the wind becomes stronger, the school event might to move inside.

- C. If the wind becomes stronger, the school event might move inside.
- D. The school event might move inside unless the wind becomes stronger.

**Bài 99.** Bài tổng hợp nâng cao theo dạng thường gặp trong kiểm tra và ôn tuyển sinh vào lớp 10.

1. Choose the sentence with correct punctuation.
  - A. If you have too many tasks for one evening, you should choose the most important ones first.
  - B. If you have too many tasks for one evening you should choose the most important ones first.
  - C. You should choose the most important ones first, if you have too many tasks for one evening.
  - D. If, you have too many tasks for one evening, you should choose the most important ones first.
2. If students use AI tools for a project, they must \_\_\_\_\_ the teacher's rules about acceptable use.
  - A. to follow   B. follow   C. following   D. follows
3. If our group finishes collecting data, we can start making the chart.  
What is the main function of the modal verb?
  - A. possibility   B. advice   C. necessity / obligation   D. ability / permission
4. Choose the grammatically correct sentence.
  - A. You may repeat the same mistake, if you ignore the teacher's feedback.
  - B. If you ignore the teacher's feedback, you may to repeat the same mistake.
  - C. If you ignore the teacher's feedback you may repeat the same mistake.
  - D. If you ignore the teacher's feedback, you may repeat the same mistake.
5. You should practise with them before class if your friend feels anxious about a presentation.  
Choose the sentence that keeps the same meaning and begins with If.
  - A. If your friend feels anxious about a presentation, you should practise with them before class.
  - B. If your friend feels anxious about a presentation you should practise with them before class.
  - C. You should practise with them before class unless your friend feels anxious about a presentation.
  - D. If your friend feels anxious about a presentation, you should to practise with them before class.
6. Choose the sentence with correct punctuation.
  - A. If students join the school trip, they must arrive at the meeting point on time.
  - B. If, students join the school trip, they must arrive at the meeting point on time.
  - C. They must arrive at the meeting point on time, if students join the school trip.
  - D. If students join the school trip they must arrive at the meeting point on time.

**Bài 100.** Bài tổng hợp nâng cao theo dạng thường gặp trong kiểm tra và ôn tuyển sinh vào lớp 10.

1. If Phuc completes his chores before six, he can \_\_\_\_\_ football practice.  
A. to attend   B. attending   C. attend   D. attends
2. If the school server is busy, the upload might take longer.  
What is the main function of the modal verb?  
A. possibility   B. ability / permission   C. necessity / obligation   D. advice
3. Choose the grammatically correct sentence.  
A. If you want to improve your writing you should check how your ideas are connected.  
B. If you want to improve your writing, you should to check how your ideas are connected.  
C. If you want to improve your writing, you should check how your ideas are connected.  
D. You should check how your ideas are connected, if you want to improve your writing.
4. It must mention the source if the debate team quotes statistics.  
Choose the sentence that keeps the same meaning and begins with If.  
A. If the debate team quotes statistics, it must mention the source.  
B. If the debate team quotes statistics it must mention the source.  
C. It must mention the source unless the debate team quotes statistics.  
D. If the debate team quotes statistics, it must to mention the source.
5. Choose the sentence with correct punctuation.  
A. She can move on to the grammar section, if Ha finishes the vocabulary review.  
B. If Ha finishes the vocabulary review, she can move on to the grammar section.  
C. If, Ha finishes the vocabulary review, she can move on to the grammar section.  
D. If Ha finishes the vocabulary review she can move on to the grammar section.
6. If we leave the windows open during the storm, rain may \_\_\_\_\_ into the classroom.  
A. gets   B. geting   C. to get   D. get

## **ĐÁP ÁN**

**Bài 1:** 1.C - 2.A - 3.A - 4.C - 5.C - 6.B

**Bài 2:** 1.A - 2.C - 3.D - 4.A - 5.D - 6.A

**Bài 3:** 1.D - 2.B - 3.D - 4.A - 5.A - 6.C

**Bài 4:** 1.D - 2.C - 3.D - 4.A - 5.B - 6.A

**Bài 5:** 1.C - 2.A - 3.D - 4.A - 5.D - 6.B

**Bài 6:** 1.D - 2.B - 3.B - 4.D - 5.A - 6.D

**Bài 7:** 1.B - 2.A - 3.D - 4.A - 5.A - 6.D

**Bài 8:** 1.A - 2.B - 3.D - 4.B - 5.B - 6.A

**Bài 9:** 1.B - 2.A - 3.D - 4.B - 5.D - 6.A

**Bài 10:** 1.B - 2.C - 3.D - 4.B - 5.A - 6.C

**Bài 11:** 1.B - 2.A - 3.D - 4.B - 5.D - 6.D

**Bài 12:** 1.A - 2.C - 3.C - 4.A - 5.C - 6.D

**Bài 13:** 1.B - 2.C - 3.B - 4.A - 5.C - 6.C

**Bài 14:** 1.B - 2.C - 3.D - 4.D - 5.A - 6.B

**Bài 15:** 1.C - 2.A - 3.B - 4.D - 5.A - 6.B

**Bài 16:** 1.A - 2.C - 3.A - 4.A - 5.B - 6.C

**Bài 17:** 1.A - 2.B - 3.B - 4.A - 5.D - 6.D

**Bài 18:** 1.C - 2.D - 3.C - 4.D - 5.B - 6.C

**Bài 19:** 1.D - 2.B - 3.C - 4.C - 5.D - 6.C

**Bài 20:** 1.D - 2.B - 3.B - 4.C - 5.A - 6.C

**Bài 21:** 1.A - 2.B - 3.D - 4.D - 5.D - 6.D

**Bài 22:** 1.B - 2.A - 3.A - 4.C - 5.C - 6.D

**Bài 23:** 1.A - 2.B - 3.B - 4.C - 5.D - 6.B

**Bài 24:** 1.D - 2.D - 3.A - 4.D - 5.C - 6.C

**Bài 25:** 1.C - 2.A - 3.C - 4.A - 5.D - 6.A

**Bài 26:** 1.C - 2.A - 3.C - 4.C - 5.C - 6.D

**Bài 27:** 1.B - 2.A - 3.B - 4.C - 5.B - 6.C

**Bài 28:** 1.B - 2.A - 3.C - 4.A - 5.A - 6.A

**Bài 29:** 1.A - 2.B - 3.D - 4.A - 5.D - 6.A

**Bài 30:** 1.D - 2.A - 3.B - 4.B - 5.B - 6.B

**Bài 31:** 1.C - 2.D - 3.A - 4.C - 5.A - 6.D

**Bài 32:** 1.D - 2.B - 3.D - 4.A - 5.A - 6.D

**Bài 33:** 1.C - 2.C - 3.D - 4.B - 5.A - 6.D

**Bài 34:** 1.D - 2.A - 3.B - 4.B - 5.A - 6.C

**Bài 35:** 1.D - 2.B - 3.C - 4.A - 5.A - 6.A

**Bài 36:** 1.B - 2.C - 3.A - 4.A - 5.D - 6.D

**Bài 37:**

1. If you finish revising Unit 3 early, you can practise an extra reading task.
2. If Minh delays the group task until Friday, he might not finish it on time.
3. If you want to reduce distractions, you should put your phone away while studying.
4. If the class wants to organise a charity fair, everyone must agree on a clear plan.
5. If An saves enough pocket money, she can buy the dictionary she needs.
6. If the rain continues all evening, our outdoor activity may be postponed.

**Bài 38:**

1. If you have several tests next week, you should make a realistic study schedule.
2. If students borrow equipment from the media room, they must return it on time.
3. If Tuan finishes his revision before eight, he can join the online study group.
4. If the bus is delayed again, we might arrive after the first bell.
5. If your eyes feel tired, you should take a break from the screen.
6. If the school holds a fire drill, students must follow the teacher's instructions.

**Bài 39:**

1. If Vy finishes her chores, she can meet her cousin at the bookshop.
2. If you do not back up your presentation, you may lose your work if the file is damaged.
3. If Khoa wants to improve his speaking, he should practise a little every day.
4. If participants enter the competition room, they must switch off their phones.
5. If we complete the survey today, we can analyse the results tomorrow.
6. If the group ignores the deadline, it might lose marks.

**Bài 40:**

1. If you have difficulty sleeping, you should avoid using your phone right before bed.
2. If the cyclists ride on this busy road, they must wear helmets.
3. If Huy finishes lunch early, he can help decorate the classroom.
4. If the temperature drops tonight, the roads may become slippery.
5. If you want to remember new vocabulary, you should review it regularly.

6. If the club uses the school hall, members must leave it clean afterwards.

**Bài 41:**

1. If Mai and her partner finish the poster, they can rehearse their talk.
2. If the internet connection becomes unstable, our video call might stop.
3. If you feel nervous before speaking, you should practise your opening lines.
4. If students take part in the chemistry activity, they must follow the safety rules.
5. If Binh finishes the maths exercises, he can take a short break.
6. If we do not leave soon, we may get caught in heavy traffic.

**Bài 42:**

1. If your timetable feels too crowded, you should decide which tasks are most urgent.
2. If a student feels unwell during PE, he or she must tell the teacher.
3. If the volunteers collect enough books, they can open a small reading corner.
4. If Trang skips too many practice sessions, she might feel less confident on performance day.
5. If you want to improve your concentration, you should study in a quiet place.
6. If we use shared computers, we must protect our passwords.

**Bài 43:**

1. If the class finishes the rehearsal early, we can check the slides once more.
2. If the printer runs out of ink, we may need to submit the report online.
3. If your friend is worried about a deadline, you should help him break the task into smaller steps.
4. If students cross the road near the school gate, they must use the pedestrian crossing.
5. If Nga completes the application correctly, she can send it before the deadline.
6. If the forecast is accurate, our picnic might be moved indoors.

**Bài 44:**

1. If you want to build a better study routine, you should set a regular start time.
2. If the group uses information from a website, it must check whether the source is reliable.
3. If Quan finishes the practice test, he can compare his answers with the key.
4. If you rush through every question, you may make avoidable mistakes.
5. If a classmate feels left out, you should invite them to join the activity.
6. If students work with electrical equipment, they must keep liquids away from it.

**Bài 45:**

1. We can study there after club activities if the school library stays open late.
2. It might run out of power during class if you forget to charge your tablet.
3. You should practise complete sentences instead of single words if you want to speak more fluently.
4. They must ask for permission first if team members share private information.
5. She can join the discussion on Friday if Thu finishes the book this week.
6. We may arrive later than expected if we take the longer route.

**Bài 46:**

1. You should use it in your own sentence if you cannot remember a new phrase.
2. Students must listen to the safety briefing if the class visits a local workshop.
3. He can review the explanations afterwards if Long completes the online quiz.
4. The school event might move inside if the wind becomes stronger.
5. You should choose the most important ones first if you have too many tasks for one evening.
6. They must follow the teacher's rules about acceptable use if students use AI tools for a project.

**Bài 47:**

1. We can start making the chart if our group finishes collecting data.
2. You may repeat the same mistake if you ignore the teacher's feedback.
3. You should practise with them before class if your friend feels anxious about a presentation.
4. They must arrive at the meeting point on time if students join the school trip.
5. He can attend football practice if Phuc completes his chores before six.
6. The upload might take longer if the school server is busy.

**Bài 48:**

1. You should check how your ideas are connected if you want to improve your writing.
2. It must mention the source if the debate team quotes statistics.
3. She can move on to the grammar section if Ha finishes the vocabulary review.
4. Rain may get into the classroom if we leave the windows open during the storm.
5. You should take a short active break if you feel sleepy while revising.
6. They must check that the correct file is attached if students submit an online assignment.

**Bài 49:**

1. Members can begin the rehearsal if the drama club finishes setting up the stage.

2. You might feel even more stressed later if you postpone every difficult task.
3. You should review it over several days if you want to remember information for longer.
4. They must have permission if students enter a restricted area.
5. It can record the final results if the science group completes the experiment.
6. We may not get home before midnight if we choose a very late train.

**Bài 50:**

1. You should ask them to slow down if your partner speaks too quickly during rehearsal.
2. They must credit the source if students use someone else's photo in a presentation.
3. Students can check their answers if the class finishes the quiz early.
4. You might choose an answer too quickly if you do not read the whole question.
5. You should start long assignments early if you want to avoid last-minute stress.
6. They must follow the safety instructions if participants take part in a school sports event.

**Bài 51:**

1. Everyone can join the call together if the study group agrees on a time.
2. The bus may take a different route if the roads are flooded tomorrow morning.
3. You should look for the main idea first if you have trouble understanding a reading passage.
4. They must follow the teacher's directions if students use laboratory chemicals.
5. She can try the challenge questions if Nhi finishes the revision worksheet.
6. You might have less time to revise if you spend the whole evening scrolling online.

**Bài 52:**

1. You should listen and repeat in short chunks if you want to improve your pronunciation.
2. Students must return everything after the lesson if the class borrows sports equipment.
3. We can ask another group for feedback if we finish the project draft.
4. The outdoor session may be shortened if the weather remains extremely hot.
5. You should organise them by topic if your notes are difficult to review.
6. They must follow the examination rules if students sit an important school test.

**Bài 53:**

1. If Duy completes the reading task, he can start the writing exercise.
2. If you do not save your document regularly, you might lose recent changes.
3. You should estimate how long each task will take if you want to manage your time better.

4. If the club sells food at the school fair, members must keep the area clean.
5. If our team solves the final clue, we can finish the challenge.
6. If the train is full, we may have to wait for the next one.

**Bài 54:**

1. If your friend feels discouraged after a low score, you should remind them to focus on what they can improve.
2. They must protect participants' privacy if students handle personal data in a survey.
3. If the computer restarts successfully, we can continue the presentation.
4. If you study in a very noisy room, you might find it difficult to concentrate.
5. If you want to make your paragraph clearer, you should use linking words carefully.
6. They must stay with their assigned group if students go on a field trip.

**Bài 55:**

1. We can begin collecting information if the teacher approves our topic.
2. If we miss the last bus, we may need to call a family member.
3. If you feel under pressure because of several deadlines, you should talk to a trusted adult.
4. If students use the art room after school, they must tidy the tables before leaving.
5. It can form two teams if the club receives enough registrations.
6. If you forget the meeting time, you might arrive late.

**Bài 56:**

1. If you want to avoid careless grammar errors, you should leave time to proofread.
2. If students cycle to school in the dark, they must use lights or reflectors.
3. If the group completes all six tasks, it can submit the project.
4. The class may eat indoors if the rain starts before lunchtime.
5. If you want to prepare for the entrance exam effectively, you should review your recurring mistakes.
6. If students work in pairs during the speaking test, they must listen to each other carefully.

**Bài 57:**

1. If Lan finishes the mock test with time left, she can check the difficult questions again.
2. If you guess every unfamiliar word from one clue, you might misunderstand the sentence.
3. You should take a short break if you feel stressed before a test.

4. If you finish your homework before dinner, you can watch a short film.
5. If you keep staying up after midnight, you might feel tired in class.
6. If students want to meet the project deadline, they must plan their time carefully.

**Bài 58:**

1. If Mai has a headache after using her phone for hours, she should rest her eyes.
2. He can go out with his friends if Nam completes all his chores.
3. If we leave home ten minutes later, we may miss the school bus.
4. If the team wants to improve its presentation, it must practise together.
5. If you do not understand the instructions, you should ask the teacher for clarification.
6. She can submit it tomorrow morning if Linh finishes the science report tonight.

**Bài 59:**

1. The match might be cancelled if the weather gets worse this afternoon.
2. If you want to stay healthy during exam week, you should get enough sleep.
3. If Phong wants to use the computer room after class, he must follow the school rules.
4. If we arrive at the library before five, we can borrow the reference books.
5. He may find it harder to concentrate if your friend skips breakfast again.
6. If Hoa feels overwhelmed by her assignments, she should make a list of priorities.

**Bài 60:**

1. If the students enter the laboratory, they must wear the required safety equipment.
2. If you finish revising Unit 3 early, you can practise an extra reading task.
3. If Minh delays the group task until Friday, he might not finish it on time.
4. You should put your phone away while studying if you want to reduce distractions.
5. If the class wants to organise a charity fair, everyone must agree on a clear plan.
6. If An saves enough pocket money, she can buy the dictionary she needs.

**Bài 61:**

1. If the rain continues all evening, our outdoor activity may be postponed.
2. If you have several tests next week, you should make a realistic study schedule.
3. They must return it on time if students borrow equipment from the media room.
4. If Tuan finishes his revision before eight, he can join the online study group.
5. If the bus is delayed again, we might arrive after the first bell.
6. If your eyes feel tired, you should take a break from the screen.

**Bài 62:**

1. If the school holds a fire drill, students must follow the teacher's instructions.
2. She can meet her cousin at the bookshop if Vy finishes her chores.
3. If you do not back up your presentation, you may lose your work if the file is damaged.
4. If Khoa wants to improve his speaking, he should practise a little every day.
5. If participants enter the competition room, they must switch off their phones.
6. We can analyse the results tomorrow if we complete the survey today.

**Bài 63:** 1.C - 2.B - 3.B - 4.C - 5.A - 6.B

**Bài 64:** 1.D - 2.A - 3.A - 4.D - 5.D - 6.B

**Bài 65:** 1.A - 2.B - 3.C - 4.D - 5.C - 6.A

**Bài 66:** 1.D - 2.B - 3.A - 4.C - 5.A - 6.A

**Bài 67:** 1.D - 2.D - 3.C - 4.B - 5.C - 6.C

**Bài 68:** 1.C - 2.D - 3.C - 4.C - 5.A - 6.C

**Bài 69:** 1.C - 2.C - 3.D - 4.A - 5.C - 6.C

**Bài 70:** 1.D - 2.A - 3.C - 4.D - 5.C - 6.A

**Bài 71:**

1. If the school server is busy, the upload might take longer.
2. If you want to improve your writing, you should check how your ideas are connected.
3. If the debate team quotes statistics, it must mention the source.
4. If Ha finishes the vocabulary review, she can move on to the grammar section.
5. If we leave the windows open during the storm, rain may get into the classroom.
6. If you feel sleepy while revising, you should take a short active break.

**Bài 72:**

1. If students submit an online assignment, they must check that the correct file is attached.
2. If the drama club finishes setting up the stage, members can begin the rehearsal.
3. If you postpone every difficult task, you might feel even more stressed later.
4. If you want to remember information for longer, you should review it over several days.
5. If students enter a restricted area, they must have permission.
6. If the science group completes the experiment, it can record the final results.

**Bài 73:**

1. If we choose a very late train, we may not get home before midnight.
2. If your partner speaks too quickly during rehearsal, you should ask them to slow down.
3. If students use someone else's photo in a presentation, they must credit the source.

4. If the class finishes the quiz early, students can check their answers.
5. If you do not read the whole question, you might choose an answer too quickly.
6. If you want to avoid last-minute stress, you should start long assignments early.

**Bài 74:**

1. If participants take part in a school sports event, they must follow the safety instructions.
2. If the study group agrees on a time, everyone can join the call together.
3. If the roads are flooded tomorrow morning, the bus may take a different route.
4. If you have trouble understanding a reading passage, you should look for the main idea first.
5. If students use laboratory chemicals, they must follow the teacher's directions.
6. If Nhi finishes the revision worksheet, she can try the challenge questions.

**Bài 75:**

1. If you spend the whole evening scrolling online, you might have less time to revise.
2. If you want to improve your pronunciation, you should listen and repeat in short chunks.
3. If the class borrows sports equipment, students must return everything after the lesson.
4. If we finish the project draft, we can ask another group for feedback.
5. If the weather remains extremely hot, the outdoor session may be shortened.
6. If your notes are difficult to review, you should organise them by topic.

**Bài 76:**

1. If students sit an important school test, they must follow the examination rules.
2. If Duy completes the reading task, he can start the writing exercise.
3. If you do not save your document regularly, you might lose recent changes.
4. If you want to manage your time better, you should estimate how long each task will take.
5. If the club sells food at the school fair, members must keep the area clean.
6. If our team solves the final clue, we can finish the challenge.

**Bài 77:**

1. If the train is full, we may have to wait for the next one.
2. If your friend feels discouraged after a low score, you should remind them to focus on what they can improve.
3. If students handle personal data in a survey, they must protect participants' privacy.
4. If the computer restarts successfully, we can continue the presentation.
5. If you study in a very noisy room, you might find it difficult to concentrate.

6. If you want to make your paragraph clearer, you should use linking words carefully.

**Bài 78:**

1. If students go on a field trip, they must stay with their assigned group.
2. If the teacher approves our topic, we can begin collecting information.
3. If we miss the last bus, we may need to call a family member.
4. If you feel under pressure because of several deadlines, you should talk to a trusted adult.
5. If students use the art room after school, they must tidy the tables before leaving.
6. If the club receives enough registrations, it can form two teams.

**Bài 79:** 1.A - 2.C - 3.C - 4.A - 5.B - 6.D

**Bài 80:** 1.A - 2.B - 3.D - 4.A - 5.A - 6.A

**Bài 81:** 1.D - 2.A - 3.B - 4.C - 5.D - 6.C

**Bài 82:** 1.C - 2.D - 3.D - 4.C - 5.D - 6.A

**Bài 83:** 1.A - 2.A - 3.B - 4.A - 5.C - 6.A

**Bài 84:** 1.A - 2.B - 3.D - 4.B - 5.B - 6.D

**Bài 85:**

1. plan
2. leave
3. should
4. is
5. should
6. may

**Bài 86:**

1. uses
2. can
3. does not work
4. must
5. feels
6. can

**Bài 87:**

1. makes
2. can

3. seems
4. should
5. does
6. should

**Bài 88:**

1. is
2. rains
3. should
4. feels
5. can
6. changes

**Bài 89:**

1. find
2. can
3. is
4. can
5. saves
6. should

**Bài 90:**

1. stays
2. should
3. keeps
4. can
5. feels
6. can

**Bài 91:**

1. If your eyes feel tired, you should take a break from the screen.
2. If the school holds a fire drill, students must follow the teacher's instructions.
3. If Vy finishes her chores, she can meet her cousin at the bookshop.
4. If you do not back up your presentation, you may lose your work if the file is damaged.
5. If Khoa wants to improve his speaking, he should practise a little every day.
6. If participants enter the competition room, they must switch off their phones.

**Bài 92:**

1. If we complete the survey today, we can analyse the results tomorrow.
2. If the group ignores the deadline, it might lose marks.
3. If you have difficulty sleeping, you should avoid using your phone right before bed.
4. If the cyclists ride on this busy road, they must wear helmets.
5. If Huy finishes lunch early, he can help decorate the classroom.
6. If the temperature drops tonight, the roads may become slippery.

**Bài 93:**

1. If you want to remember new vocabulary, you should review it regularly.
2. If the club uses the school hall, members must leave it clean afterwards.
3. If Mai and her partner finish the poster, they can rehearse their talk.
4. If the internet connection becomes unstable, our video call might stop.
5. If you feel nervous before speaking, you should practise your opening lines.
6. If students take part in the chemistry activity, they must follow the safety rules.

**Bài 94:**

1. If Binh finishes the maths exercises, he can take a short break.
2. If we do not leave soon, we may get caught in heavy traffic.
3. If your timetable feels too crowded, you should decide which tasks are most urgent.
4. If a student feels unwell during PE, he or she must tell the teacher.
5. If the volunteers collect enough books, they can open a small reading corner.
6. If Trang skips too many practice sessions, she might feel less confident on performance day.

**Bài 95:**

1. If you want to improve your concentration, you should study in a quiet place.
2. If we use shared computers, we must protect our passwords.
3. If the class finishes the rehearsal early, we can check the slides once more.
4. If the printer runs out of ink, we may need to submit the report online.
5. If your friend is worried about a deadline, you should help him break the task into smaller steps.
6. If students cross the road near the school gate, they must use the pedestrian crossing.

**Bài 96:** 1.C - 2.D - 3.C - 4.B - 5.C - 6.B

**Bài 97:** 1.B - 2.A - 3.B - 4.D - 5.A - 6.B

**Bài 98:** 1.B - 2.D - 3.B - 4.A - 5.A - 6.C

**Bài 99:** 1.A - 2.B - 3.D - 4.D - 5.A - 6.A

**Bài 100:** 1.C - 2.A - 3.C - 4.A - 5.B - 6.D

**Ghi chú đáp án mở:** Với các dạng viết câu theo tình huống, đáp án đưa ra là phương án tham khảo. Những câu khác vẫn có thể đúng nếu giữ đúng cấu trúc câu điều kiện loại 1, dùng modal verb hợp nghĩa và không thay đổi ý chính của đề.